

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
NIÊN ĐỘ
2022 - 2023



Địa chỉ: Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam



Số điện thoại: 02606.289 549



Số Fax: 02603.916 168



Website: www.ktsduongkontum.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM



MỤC LỤC

01	PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG	
	Thông tin khái quát	7
	Quá trình hình thành và phát triển	9
	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	12
	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	15
	Định hướng phát triển	17
	Các rủi ro	21
02	PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	
	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	27
	Tổ chức và nhân sự	29
	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	36
	Tình hình tài chính	37
	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	41
	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	43
03	PHẦN 3: BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	
	Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh	51
	Tình hình tài chính	53
	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	55
	Kế hoạch phát triển trong tương lai	56
04	PHẦN 4 : ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
	Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty	61
	Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc	62
	Các kế hoạch, định hướng của HĐQT	62
05	PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY	
	Hội đồng quản trị	67
	Ban Kiểm soát	75
	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	82
06	PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
	Ý kiến kiểm toán	85
	Báo cáo tài chính kiểm toán	87

01



PHẦN 1: THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM
Tên tiếng Anh : KON TUM SUGAR JOINT STOCK COMPANY
Mã cổ phiếu : KTS
Sàn niêm yết : HNX
Giấy chứng nhận ĐKDN số : 6100228104 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp ngày 01/07/2008 (đã đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 18/11/2015).

Vốn điều lệ : 50.700.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 50.700.000.000 đồng
Địa chỉ : Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam
Số điện thoại : 02606.289 549
Số fax : 02603.916 168
Website : www.ktsduongkontum.vn

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Nhà máy Đường Kon Tum được chuyển giao về cho Công ty Đường Quảng Ngãi và trở thành Nhà máy Đường Kon Tum trực thuộc Công ty Đường Quảng Ngãi.



Công ty Đường Kon Tum được chuyển thành Công ty Cổ phần Đường Kon Tum và chính thức đi vào hoạt động theo giấy đăng ký kinh doanh số 3803000111 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Kon Tum cấp ngày 01/07/2008.



Niên yết bổ sung 900.000 cổ phiếu trên HNX, tăng vốn điều lệ từ 30 tỷ lên 39 tỷ đồng.

Với đà tăng của giá đường thế giới cùng tác động của các biện pháp phòng vệ thương mại làm giảm áp lực cạnh tranh từ đường nhập khẩu giá rẻ. Điều này góp phần mang tới triển vọng tích cực cho các doanh nghiệp sản xuất mía đường. Niên độ 2022 - 2023, Công ty ghi nhận doanh thu 547,68 tỷ đồng, tăng 210%; lợi nhuận sau thuế 38,20 tỷ đồng, tăng 377% so với niên độ trước. Đây là mức tăng trưởng cao nhất trong 4 năm trở lại đây.

1995

2000

2006

2008

2010

2011

2013

2023

Ngày 10/07/1995, nhà máy Đường Kon Tum (tiền thân của Công ty Mía đường Kon Tum), thành lập theo giấy đăng ký kinh doanh số 109032 do Ủy ban kế hoạch Nhà nước tỉnh Kon Tum cấp.

Nhà máy Đường Kon Tum được chuyển thành Công ty Đường Kon Tum thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo Quyết định 2945/ QĐ-BNN - ĐMDN ngày 11/10/2006 của Bộ trưởng Bộ NN & PTNN.

Chính thức niêm yết 3.000.000 cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là KTS.

Niên yết bổ sung tổng cộng 1.170.000 cổ phiếu cho các đợt tăng vốn tiếp theo trên HNX, vốn điều lệ tăng từ 39 tỷ đồng lên 50,7 tỷ đồng.

GIẢI THƯỞNG VÀ CHỨNG NHẬN CỦA CÔNG TY

 SẢN PHẨM ĐƯỜNG RS CỦA CÔNG TY ĐÃ ĐƯỢC LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM TRAO GIẢI THƯỞNG “SẢN PHẨM/DỊCH VỤ THƯƠNG HIỆU VIỆT HỘI NHẬP WTO”.

 SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY ĐƯỢC BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN CHỨNG NHẬN: “HÀNG NÔNG LÂM THỦY SẢN VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO VÀ UY TÍN THƯƠNG MẠI”.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

MÃ NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH	TÊN NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH
2012	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ
2512	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại
0114	Trồng cây mía
0130	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp
0161	Hoạt động dịch vụ trồng trọt
0163	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch
1072 (Chính)	Sản xuất đường
1080	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản
1104	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng
5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu
4722	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh
3311	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn
3312	Sửa chữa máy móc, thiết bị

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH



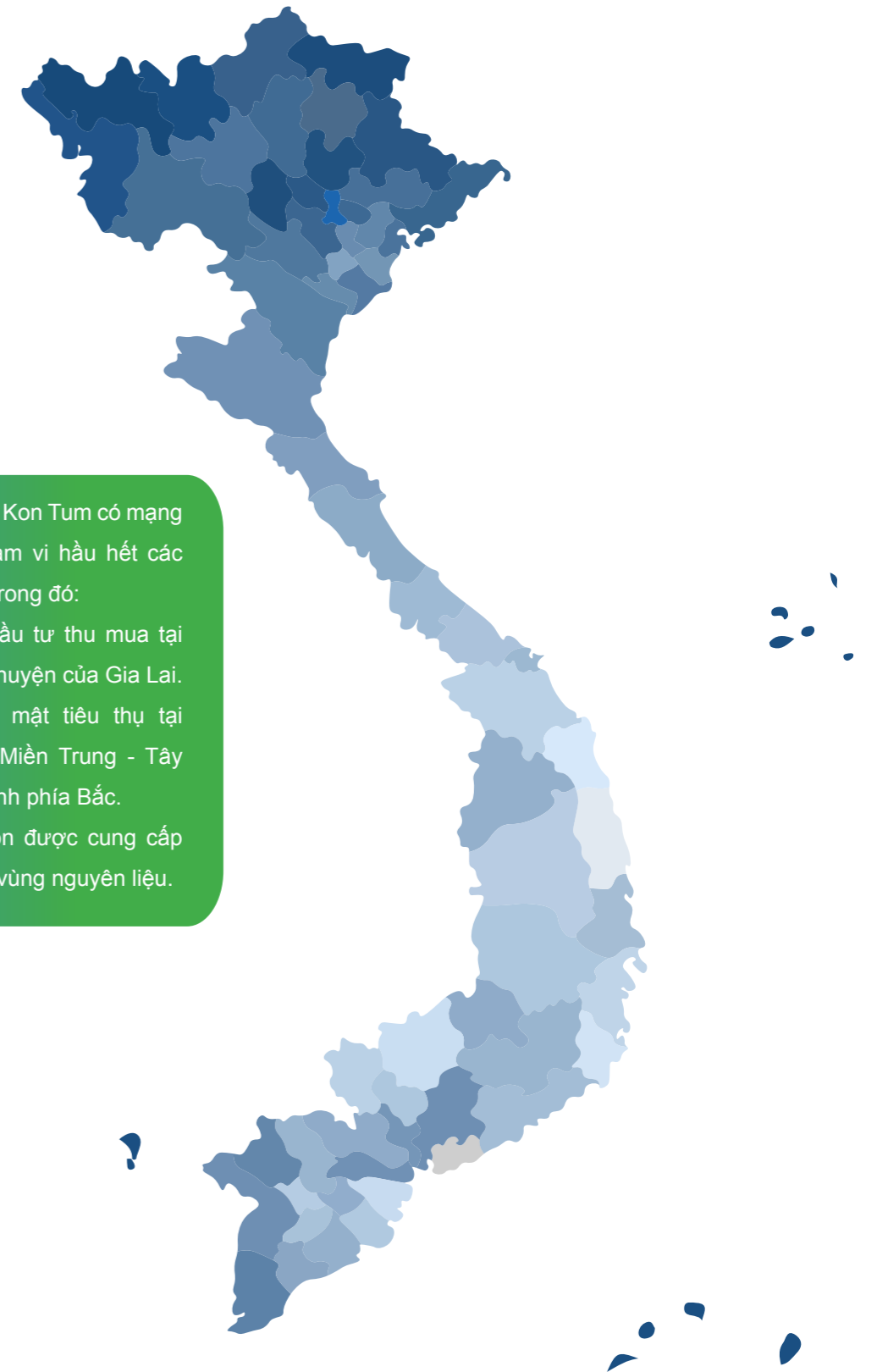
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

MÃ NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH	TÊN NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH
3314	Sửa chữa thiết bị điện
3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
3510	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
4100	Xây dựng nhà các loại
4290	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
4311	Phá dỡ
4312	Chuẩn bị mặt bằng
4321	Lắp đặt hệ thống điện
4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí
4329	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
4330	Hoàn thiện công trình xây dựng
4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
4632	Bán buôn thực phẩm
4653	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH



ĐỊA BÀN KINH DOANH



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Công ty Cổ phần Đường Kon Tum hoạt động theo mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.

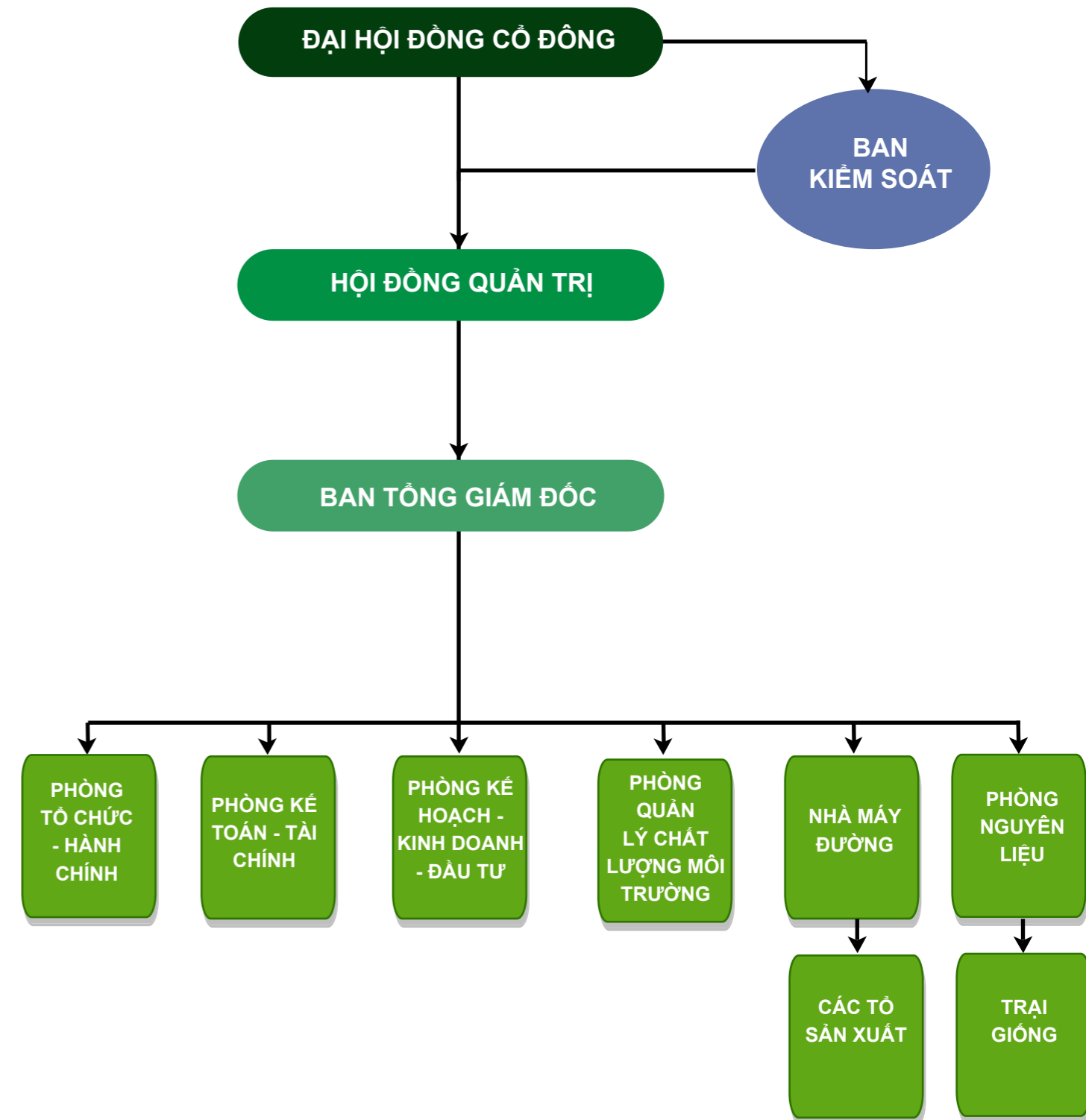
- Đại hội đồng cổ đông: Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
- Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- Ban Kiểm soát: Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành sản xuất của Công ty.
- Tổng Giám đốc: Là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.



CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Không có.

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ





Mở rộng diện tích trồng nguyên liệu mía trong vùng, nhằm tạo sự chủ động trong sản xuất, đáp ứng đủ công suất hoạt động cho các nhà máy và hạ giá thành sản phẩm.



Tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu, cải tiến điều kiện canh tác nhằm đưa ra các giống mía có năng suất và chất lượng cao thay cho giống mía cũ đã thoái hóa, kém chất lượng; Từ đó nâng cao chất lượng sản phẩm cạnh tranh với các sản phẩm nhập khẩu và của các đơn vị khác cùng ngành.



Chú trọng công tác đầu tư, sửa chữa, cải tiến dây chuyền máy móc thiết bị nhằm ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, tiết kiệm nguyên vật liệu.



Xây dựng và giữ vững thương hiệu, đồng thời mở rộng và phát triển đồng bộ các lĩnh vực hoạt động, các dòng sản phẩm khác mà Công ty đang có ưu thế, tạo nền tảng phát triển một cách ổn định, lâu dài và vững chắc.

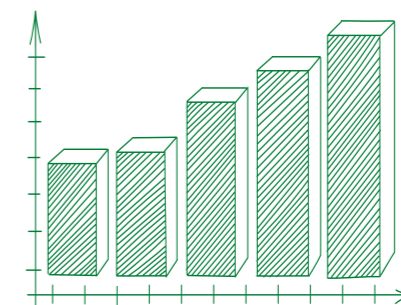


Đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các cổ đông, bảo toàn vốn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- ✓ Tiếp tục đầu tư các thiết bị chuyên dụng, áp dụng ứng dụng khoa học công nghệ cao nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tối đa hóa lợi nhuận. Ngoài ra, thực hiện công tác sửa chữa, tu bổ máy móc thiết bị đáp ứng được yêu cầu của sản xuất.
- ✓ Chủ động tìm kiếm nhiều vùng trồng nguyên liệu mới phù hợp với giống nhằm mở rộng vùng trồng mía, đáp ứng yêu cầu về năng suất và tạo sự chủ động trong sản xuất.
- ✓ Tiếp tục đầu tư vào công nghệ, nâng cao hiệu quả từng khâu trong toàn bộ chuỗi cung ứng, hoàn thiện chuỗi giá trị trong tất cả các hoạt động quản lý từ nông trường đến sản xuất, phân phối sản phẩm đến tay người tiêu dùng.
- ✓ Chủ động nắm bắt thị trường, điều chỉnh chính sách bán hàng cùng với sự linh hoạt trong sản xuất nhằm nâng cao mục tiêu về kế hoạch sản xuất kinh doanh.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



“Là Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và cung ứng đường, Công ty tạo dựng chuỗi cung ứng với các bên liên quan từ đầu vào đến đầu ra và với cộng đồng – xã hội. Đặt trong bối cảnh kinh doanh và chiến lược phát triển dài hạn, Công ty luôn xem các bên liên quan là những đối tác quan trọng bậc nhất và tác động mạnh mẽ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên các mặt kinh tế, xã hội và môi trường. Xác định được điều đó, Công ty đã thường xuyên tham vấn để thu thập thông tin nhằm đáp ứng kỳ vọng của họ, phục vụ cho mục tiêu phát triển bền vững của Công ty. Xác định các bên liên quan dựa vào vai trò và mức độ ảnh hưởng của các bên liên quan đối với Công ty bao gồm: **Khách hàng, Cổ đông/Nhà đầu tư, Người lao động, Cơ quan quản lý Nhà nước, Môi trường và Cộng đồng địa phương.**”

ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG

- Tiếp tục phát huy triết lý kinh doanh “Sự hài lòng của Quý khách hàng là thành công của Công ty”.
- Đặt lợi ích khách hàng lên hàng đầu, thiết lập cơ chế duy trì mối liên hệ, đối thoại thường xuyên và định kỳ, cung cấp các sản phẩm chất lượng, cạnh tranh và bán chéo các sản phẩm mới với mục tiêu giữ mối quan hệ tốt với khách hàng.

ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Công ty luôn chú trọng công tác chăm lo đời sống vật chất và tinh thần người lao động. Chế độ lương thưởng công bằng, minh bạch, người lao động luôn được tham gia đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp,... theo đúng quy định.
- Bên cạnh đội ngũ CBCNV tay nghề cao, giàu kinh nghiệm, Công ty tuyển dụng, đào tạo nguồn nhân sự trẻ, trình độ chuyên môn cao, lấy lao động làm nòng cốt nhằm đảm bảo mục tiêu ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh.

ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG/NHÀ ĐẦU TƯ

- Quản lý, sử dụng, đầu tư vốn hiệu quả với mục đích nhằm tối ưu hóa lợi ích lâu dài của cổ đông.
- Giải đáp thắc mắc của nhà đầu tư qua các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Công bố thông tin đúng theo quy định.



ĐỐI VỚI CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

- Tuân thủ các quy định pháp luật trong các lĩnh vực an toàn vệ sinh lao động, PCCC, môi trường và các quy định đặc thù của ngành.
- Thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật để thay đổi cho phù hợp với những quy định mới, đảm bảo sự tuân thủ, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tuân thủ các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ thuế.

ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

- Không ngừng hoàn thiện và cải tiến, áp dụng công nghệ hiện đại mới nhất vào sản xuất nhằm hạn chế phát thải ra môi trường nhằm hướng đến sản xuất xanh, không phát thải. Xây dựng và duy trì nhà máy sản xuất xanh, sạch và đẹp.
- Công ty luôn cam kết thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ đối với cộng đồng và xã hội, chung tay góp phần xây dựng một xã hội tốt đẹp và phát triển bền vững.

CÁC YẾU TỐ RỦI RO



RỦI RO KINH TẾ

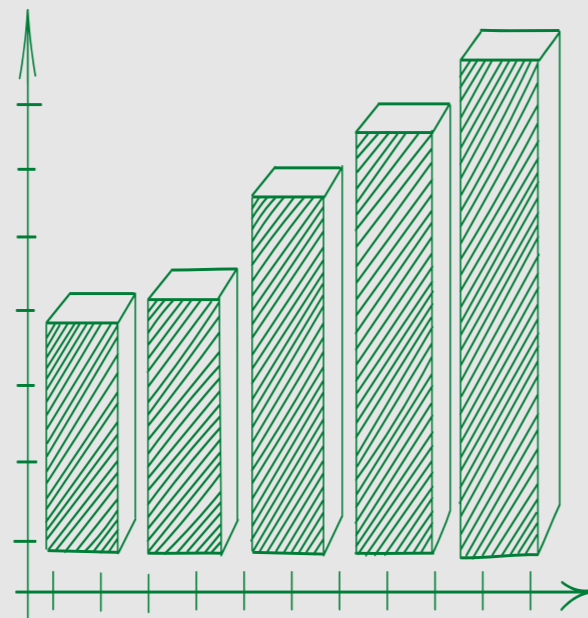
Thế giới đang trong giai đoạn có nhiều xáo trộn cả về kinh tế, địa chính trị, lẫn biến đổi khí hậu và có tác động mạnh mẽ đến triển vọng toàn cầu. Lạm phát tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ, buộc các chính phủ phải thắt chặt chính sách tiền tệ, hộ gia đình siết chặt chi tiêu trong bối cảnh các khoản hỗ trợ tài chính liên quan đến Covid-19 đang dần cạn kiệt. Ngoài ra, tình hình còn phức tạp hơn khi xung đột giữa Nga và Ukraine có dấu hiệu kéo dài và tác động sâu rộng hơn. Trong khi đó, Trung Quốc chỉ mới mở cửa trở lại vào cuối năm 2022, khiến hoạt động kinh tế chưa thể hồi phục mạnh.

Theo Tổng cục Thống kê, tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2023 của Việt Nam tiếp tục chịu ảnh hưởng từ những yếu tố bất lợi của nền kinh tế thế giới, GDP 6 tháng đầu năm 2023 tăng 3,72%, chỉ cao hơn tốc độ tăng 1,74% của 6 tháng đầu năm 2020 trong giai đoạn 2011 - 2023. Tuy nhiên đây là kết quả tích cực trong bối cảnh nền kinh tế đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức.

Liên quan đến giá đường thế giới và trong nước, các nhà phân tích cho biết điều kiện thời tiết bất lợi tại Ấn Độ gây khó khăn cho hoạt động sản xuất. Cùng với đó, quyết định gia hạn thời gian áp dụng tỷ lệ pha trộn 20% ethanol vào xăng của quốc gia này, khiến lượng mía ép được ưu tiên cho chiết suất ethanol hơn sản xuất đường. Điều này tạo áp lực kép cho sản xuất đường, tăng lo ngại sản lượng sụt giảm và khả năng sẽ cấm xuất khẩu đường vào các tháng cuối năm 2023. Tại thị trường Việt Nam, theo đà tăng của giá đường thế giới, giá đường nội địa cũng đã bắt đầu tăng lên kể từ tháng 5/2023. Nhờ các yếu tố thuận lợi

về giá đầu ra và hiệu quả từ biện pháp phòng vệ thương mại với một số sản phẩm đường gốc Thái Lan, hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp mía đường trong nước đã khởi sắc trong đó có Đường Kon Tum.

Đứng trước những thách thức trong giai đoạn bản lề này, Ban lãnh đạo Công ty đã có kế hoạch, xác định nhiệm vụ cụ thể trước mắt và các nhiệm vụ dài hạn của Công ty. Trong ngắn hạn, Công ty sẽ tiếp tục khảo nghiệm để lựa chọn nâng cao chất lượng giống mía; đầu tư nâng cấp dây chuyền chế biến đường để nâng công suất chế biến nhằm thu hoạch mía đúng vụ tăng hiệu quả thu hồi mía đường; đầu tư thiết bị nâng cao chất lượng đường thành phẩm để tăng tính cạnh tranh về số lượng tiêu thụ và giá bán trên thị trường. Trong dài hạn, Đường Kon Tum vẫn sẽ đi theo tiêu chí phát triển bền vững, hội nhập với xu thế công nghệ và tiếp tục trở thành thương hiệu uy tín trên thị trường.



RỦI RO PHÁP LUẬT



Là Công ty Cổ phần, có cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty Cổ phần Đường Kon Tum phải chịu sự ảnh hưởng và chi phối của các luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Luật Thương mại, v.v ... các Nghị định, Thông tư và các văn bản pháp luật liên quan khác.

Những năm gần đây, nền kinh tế Việt Nam đang có nhiều chuyển biến mạnh mẽ, từng bước mở rộng và hội nhập với thị trường ngày một năng động của thế giới. Nhằm bắt kịp xu thế chung và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp, hệ thống luật pháp Việt Nam cũng đang trong quá trình cập nhật và hoàn thiện. Các quy định, chế tài cũng ngày một cụ thể và chặt chẽ hơn, đảm bảo tính minh bạch và công bằng.

Công ty luôn có ý thức chủ động cập nhật và tìm hiểu thông tin pháp lý liên quan đến nền kinh tế và đặc thù ngành, để chủ động điều chỉnh cơ chế vận hành cho phù hợp với pháp luật của Nhà nước, tránh những rủi ro đáng tiếc có thể tác động xấu đến tình hình kinh doanh của doanh nghiệp.



RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Theo nghiên cứu của Hội Bảo vệ thiên nhiên và môi trường Việt Nam, quá trình sản xuất đường từ cây mía sẽ sinh ra một số phụ phẩm như bã mía, mật rỉ, bùn lọc... Trong đó, mật rỉ chiếm 3%-5% trọng lượng mía đem ép với các thành phần là nước, đường saccara, đường khử, tro, protein... Bên cạnh đó, phần cặn bã còn lại sau khi chế biến đường là bùn lọc, chiếm khoảng 1,5%-3% trọng lượng đem ép.

Một điểm đáng lo ngại nữa đó là nước thải của ngành công nghiệp mía đường luôn chứa một lượng lớn các chất hữu cơ bao gồm các hợp chất của cacbon nitơ, phốt-pho. Các chất này dễ bị phân hủy bởi các vi sinh vật, gây mùi hôi thối cho không khí và nguồn nước. Mặt khác, phần lớn các chất rắn lơ lửng có trong nước thải ngành công nghiệp mía đường ở dạng vô cơ, khi thải ra môi trường, các chất này có khả năng lắng và tạo thành một lớp dày ở đáy nguồn nước, phá hủy hệ sinh vật. Các khí độc trong quá trình phân hủy sẽ gây thiếu hụt oxy trong nước, tác động xấu đến hệ sinh thái.

Hiểu rõ được tầm quan trọng của vấn đề cũng như hình dung được sự nguy hiểm đối với môi trường xung quanh, Công ty luôn ý thức cao vấn đề bảo vệ môi trường thông qua hành động thiết thực. Công ty có chủ trương tái sử dụng chất thải phát sinh trong quá trình sản xuất tạo ra để bảo vệ môi trường, gia tăng giá trị và giảm giá thành sản phẩm. Đồng thời, nước thải sau khi đi qua hệ thống xử lý được tái sử dụng cho mục đích sản xuất và tưới mía giúp tiết kiệm chi phí cho Công ty và góp phần bảo vệ tài nguyên nước. Bên cạnh đó, chất thải trong quá trình sản xuất được phân loại và đưa ra phương pháp xử lý phù hợp, phần lớn chất thải được tái tạo đem ủ phân làm phân bón, những chất thải có khả năng nguy hại đến môi trường Công ty chủ động xử lý để đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của pháp luật và đặc biệt là không gây ảnh hưởng môi trường.



RỦI RO VÙNG NGUYÊN VẬT LIỆU

Hiện tại, Công ty Cổ phần Đường Kon Tum đang gặp nhiều thách thức trong việc phát triển vùng nguyên liệu do diện tích trồng mía manh mún, nhỏ lẻ và phân tán; việc dồn đổi, tích tụ ruộng đất để xây dựng cánh đồng lớn phức tạp, chưa thực hiện được nên áp dụng cơ giới hóa vào quá trình sản xuất mía chưa được nhiều. Các mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác trồng mía vẫn chưa được nhân rộng. Để đáp ứng đủ nhu cầu nguyên liệu cho một niên vụ chế biến, sản lượng mía cần trong một vụ sản xuất tối thiểu là 350.000 tấn mía cây, tương ứng với diện tích vùng nguyên liệu hơn 5.000 ha mía, năng suất bình quân đạt 70 tấn/ha. Vì vậy, để duy trì hoạt động, Công ty Cổ phần Đường Kon Tum phải thu mua thêm mía từ các hộ dân trồng mía tại các huyện, thị xã khác trên địa bàn của tỉnh Gia Lai.

Trước những thách thức nêu trên, Công ty đã cùng với đại diện các sở, ngành, địa phương tham gia thảo luận để làm rõ những khó khăn, vướng mắc trong việc xây dựng vùng nguyên liệu mía và đề ra những giải pháp nhằm đảm bảo phát triển vùng nguyên liệu một cách bền vững. Theo đó, Công ty tiếp tục nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các chính sách đầu tư hỗ trợ và phục vụ người trồng mía một cách thiết thực, hiệu quả để phát triển vùng nguyên liệu mía; từng bước ổn định vùng nguyên liệu trọng điểm trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Tiếp tục làm việc các cấp chính quyền địa phương của tỉnh Kon Tum để rà soát tìm kiếm quỹ đất, phát triển thêm diện tích mía trong niên độ 2023 - 2024 và những năm tiếp theo.



RỦI RO KHÁC

Bên cạnh những rủi ro đã nói trên, một số rủi ro khác cũng tiềm ẩn nguy cơ xảy ra trong các trường hợp bất khả kháng như: thiên tai, lũ lụt, chiến tranh, dịch bệnh,... Những rủi ro này thường rất ít khi xảy ra, rất khó dự báo nhưng khi xảy ra sẽ để lại những hậu quả khó lường cho Công ty cả về người và tài sản. Nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng, Công ty luôn chủ động bằng cách mua bảo hiểm cho người lao động và tài sản của Công ty. Đồng thời, Công ty luôn cố gắng lường trước các kịch bản xấu và lên các phương án chủ động phòng ngừa và xử lý khi có biến cố xảy ra.



PHẦN 2: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

Công tác thu mua, vận chuyển mía nguyên liệu

Vụ ép 2022 - 2023, Công ty đã thực hiện công tác đốn chặt hợp lý nên sản lượng mía thu mua cơ bản đáp ứng công suất hoạt động của Nhà máy. Việc thanh toán tiền mía năm nay được thực hiện kịp thời hơn so với các năm trước, đây cũng là yếu tố quan trọng để ổn định sản lượng mía thu mua và đảm bảo niềm tin cho bà con tiếp tục gắn bó với cây mía trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Tổng sản lượng mía thu mua vụ 2022 - 2023 vượt 7,3% so với kế hoạch, trong đó: trong vùng đạt 96%, ngoài vùng đạt 112%.

Vụ 2022 - 2023 cũng là vụ thứ 4 liên tiếp, Công ty trực tiếp điều hành xe vận chuyển mía nên việc tổ chức đốn chặt và điều hành xe khá thuận lợi, mía đưa về nhà máy cơ bản tươi, sạch và đảm bảo chất lượng, không còn tình trạng mía chặt ra chờ xe vận chuyển, mía phơi khô trên đồng quá thời gian quy định.

Công tác đầu tư chăm sóc và phát triển diện tích trồng mới, trồng lại vụ 2022 - 2023 chuẩn bị cho vụ thu hoạch 2023 - 2024

Vùng nguyên liệu luôn được Công ty quan tâm đầu tư phát triển bằng nhiều chính sách và giải pháp đồng bộ. Diện tích mía trong vùng chuẩn bị thu hoạch cho vụ 2023 - 2024 tăng so với vụ 2022 - 2023 là 70%. Diện tích mía tăng so với các năm trước nguyên nhân chủ yếu là do:

- Giá mua mía vụ 2022 - 2023 tăng so với các vụ trước, cùng với chính sách hỗ trợ đầu tư vùng nguyên liệu được Hội đồng quản trị ban hành kịp thời nên người dân yên tâm phát triển diện tích.
- Được sự đồng thuận của các cấp chính quyền địa phương, các Sở, ban ngành của tỉnh Kon Tum, nên công tác tuyên truyền vận động trồng mía khá thuận lợi.
- Ban điều hành tích cực tuyên truyền hướng dẫn chính sách đầu tư, phát triển vùng nguyên liệu của Công ty, tích cực tìm kiếm diện tích đất trống để tăng thêm diện tích, đặc biệt năm nay Công ty phát triển thêm hình thức hợp tác liên kết với các doanh nghiệp khác để trồng mía, tăng nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất chế biến.



Kết quả kinh doanh

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Niên độ 2021 - 2022	Niên độ 2022 - 2023	Tỷ lệ % TH 2022 - 2023 / TH 2021 - 2022
1	Tổng giá trị tài sản	401.185	481.512	20,02%
2	Doanh thu thuần	176.396	547.678	210,48%
3	Lợi nhuận từ HĐKD	11.070	41.137	271,60%
4	Lợi nhuận khác	-533	-1.532	187,58%
5	Lợi nhuận trước thuế	10.537	39.605	275,85%
6	Lợi nhuận sau thuế	8.010	38.197	376,86%

Từ tháng 8/2022, Bộ Công Thương chính thức thực hiện biện pháp chống lẩn tránh phòng vệ thương mại với mức thuế 4,64% đối với sản phẩm mía đường có xuất xứ từ Thái Lan được nhập khẩu từ 5 nước ASEAN. Biện pháp này đã bắt đầu bảo vệ các Công ty mía đường trong nước và đẩy giá đường trong nước tăng cao.

Kết thúc niên độ 2022 - 2023, doanh thu thuần của Công ty ghi nhận 547.678 triệu đồng, tăng 210,48% so với niên độ 2021 - 2022, gấp 3 lần cùng kỳ năm trước. Kết quả kinh doanh của Công ty đã có sự tăng trưởng mạnh mẽ nhờ sản lượng đường tiêu thụ tăng cao nhờ sự đóng góp không nhỏ từ chính sách chống bán phá giá của đường nhập khẩu vào Việt Nam.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Tính tại ngày 30/06/2023

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phần sở hữu (Cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Đặng Thị Thu Hằng	Tổng Giám đốc	0	0
2	Thái Văn Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	0	0
3	Nguyễn Hữu Quảng	Phó Tổng Giám đốc	0	0
4	Võ Thị Ái Thùy	Kế toán trưởng	0	0



THÁI VĂN HÙNG

Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc



LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH



ĐẶNG THỊ THU HẰNG

Tổng Giám đốc

Ngày sinh	14/04/1977
Trình độ chuyên môn	Đại học chuyên ngành Thương mại
Quá trình công tác	
Thời gian	Chức vụ và đơn vị công tác
10/2017 - nay	Tổng Giám đốc CTCP Đường Kon Tum
03/2022 - nay	Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm Tipharco
08/2022 - nay	Chủ tịch Công ty TNHH Nam Phương Hà Tiên
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm Tipharco Chủ tịch công ty TNHH Nam Phương Hà Tiên
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan	
Bà Trần Thị Thái (Mẹ)	152.100 cổ phiếu, chiếm 3% vốn điều lệ

Ngày sinh	26/12/1972
Trình độ chuyên môn	Cử nhân khoa học
Quá trình công tác	
Thời gian	Chức vụ và đơn vị công tác
1995 - 1996	Kỹ thuật viên phòng kỹ thuật CTCP Mía đường Tuy Hòa
1996 - 2000	Phó quản đốc Phân xưởng sản xuất đường CTCP Mía đường Tuy Hòa
2001 - 2011	Trưởng phòng kỹ thuật – KCS CTCP Mía đường Tuy Hòa
2011 - 07/2016	Trưởng phòng Vật tư, đầu tư và xây dựng cơ bản CTCP Mía đường Tuy Hòa
07/2016 - nay	Thành viên HĐQT CTCP Mía đường Sơn La
09/2018 - nay	Thành viên HĐQT CTCP Đường Kon Tum
09/2020 - nay	Phó Tổng Giám đốc CTCP Mía đường Sơn La
09/2021 - nay	Phó Tổng Giám đốc CTCP Đường Kon Tum
03/2023 - nay	Thành viên độc lập HĐQT CTCP Dược phẩm Tipharco
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Mía đường Sơn La Thành viên HĐQT CTCP Dược phẩm Tipharco
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan	Không có

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



NGUYỄN HỮU QUẢNG
Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh	20/06/1971
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư công nghệ hóa Silicat
Quá trình công tác	
Thời gian	Chức vụ và đơn vị công tác
1998 - 1999	Phó ca sản xuất - Nhân viên phòng Kỹ thuật Công ty Mía đường Kon Tum
1999 - 2010	Trưởng ca sản xuất - Nhân viên phòng Kỹ thuật CTCP Đường Kon Tum
2010 - 2012	Phó phòng kỹ thuật CTCP Đường Kon Tum
2012 - 2016	Phó phòng kỹ thuật Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh – Gia Lai, Attapeu - Lào
2016 - 2017	Phó phòng kỹ thuật Công ty mía đường TTC – Attapeu – Lào
2017 - 2018	Trợ lý Tổng Giám Đốc CTCP Đường Kon Tum
08/2018 - nay	Phó Tổng Giám đốc CTCP Đường Kon Tum
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan	Không có



VÕ THỊ ÁI THÙY
Kế toán trưởng

Ngày sinh	20/05/1981
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán
Quá trình công tác	
Thời gian	Chức vụ và đơn vị công tác
2005 - 2010	Nhân viên kế toán Công ty TNHH sản xuất Giấy Nhám Merit Việt Nam; Công ty TNHH Korea Foam - Khu công nghiệp Việt Hương - Thuận An - Bình Dương
2011 - 2017	Nhân viên kế toán CTCP Đường Kon Tum
07/2017 - 2020	Trưởng phòng KHKD-ĐT CTCP Đường Kon Tum
04/2022 - nay	Phụ trách công tác kế toán CTCP Đường Kon Tum
04/2023 - nay	Kế toán trưởng CTCP Đường Kon Tum
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan	Không có

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NIÊN ĐỘ 2022 - 2023

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Võ Thị Ái Thùy	Kế toán trưởng	28/04/2023	

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Tính đến ngày 30/06/2023

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
A	Theo trình độ	198	100,00%
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	23	11,62%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	72	36,36%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	100	50,51%
4	Lao động phổ thông	3	1,52%
B	Theo thời hạn HĐLĐ	198	100,00%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	65	32,83%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	133	67,17%
C	Theo giới tính	198	100,00%
1	Nam	146	73,74%
2	Nữ	52	26,26%





“Nguồn nhân lực đóng vai trò hạt nhân trong chiến lược phát triển bền vững của KTS. Với môi trường cạnh tranh ngày càng cao, đặc biệt là doanh nghiệp trong và ngoài nước sẽ tham gia mạnh vào ngành đường thời gian tới, nguồn nhân lực chuyên nghiệp, lành nghề sẽ giúp Công ty duy trì lợi thế và đảm bảo hiệu quả kinh doanh. Bên cạnh đó, đảm bảo công việc ổn định, chăm lo các chế độ, chính sách và đảm bảo chất lượng cuộc sống của người lao động cũng là cách thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp”

VỀ ĐÀO TẠO

Công ty đã chú trọng đến công tác tự đào tạo, đào tạo tại chỗ và dành sự quan tâm khuyến khích các cán bộ trẻ nâng cao trình độ chuyên môn. Mục tiêu đào tạo về nhân sự của Công ty là giải về chuyên môn nghiệp vụ, chuẩn mực trong đạo đức, chuyên nghiệp trong phong cách làm việc và tâm huyết với nghề. Ngoài ra, Công ty thực hiện chính sách điều động, bổ nhiệm nhân sự một cách hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh theo từng thời điểm.

VỀ TUYỂN DỤNG

Là Công ty hoạt động trong lĩnh vực Nông nghiệp và đặc biệt là tiên phong trong việc ứng dụng công nghệ kỹ thuật vào sản xuất và canh tác, nên việc chọn lọc nguồn lực phù hợp là tiêu chí được Ban lãnh đạo đặt lên hàng đầu. Công ty đang từng bước nâng cao trình độ đối với lực lượng lao động, tập trung vào nhóm có chuyên môn và kỹ thuật. Ngoài ra, Công ty cũng đặt ra những tiêu chí (nhiệt huyết, có chuyên môn và khả năng tiếp cận, thích ứng nhanh với công nghệ) để đảm bảo chất lượng đầu vào của tất cả CBCNV Công ty, thể hiện nỗ lực của Công ty trong việc nâng cao chất lượng lao động.

MÔI TRƯỜNG CÔNG VIỆC

Công ty luôn cố gắng đảm bảo cơ sở vật chất đầy đủ, tiện nghi phục vụ cho quá trình làm việc ở tất cả các nơi từ Văn phòng cho đến Nhà máy. Tùy thuộc vào môi trường và công đoạn sản xuất mà người lao động được trang bị đầy đủ các phương tiện, công cụ bảo hộ lao động theo các yêu cầu tiêu chuẩn an toàn của Luật Bảo hộ lao động nhằm hạn chế tối đa những rủi ro trong quá trình sản xuất.



VỀ LƯƠNG, THƯỜNG, PHÚC LỢI, ĐÃI NGỘ

Công ty đang áp dụng chế độ làm việc đảm bảo thời gian làm việc không vượt quá 48 giờ/tuần, tuân thủ đúng quy định của Luật lao động và nội quy lao động của Công ty. Người lao động được bố trí nghỉ đầy đủ vào các ngày Lễ, Tết và các ngày nghỉ hưởng nguyên lương, đối với các trường hợp đi làm trùng vào các ngày nghỉ này được tính làm thêm giờ theo quy định của Luật Lao động.

Ban lãnh đạo Công ty luôn chú trọng đến việc xây dựng chế độ chính sách, phúc lợi hợp lý cho toàn thể CBCNV. Trong đó, Quỹ khen thưởng và phúc lợi được Công ty trích lập theo đúng các quy định pháp luật. Công ty cũng nỗ lực điều chỉnh lương của toàn thể CBCNV một cách cạnh tranh so với trong ngành và thị trường, giúp người lao động có thể yên tâm công tác và gắn bó với Công ty.



THU NHẬP BÌNH QUÂN QUA CÁC NĂM

Chỉ tiêu	2019 - 2020	2021 - 2022	2022 - 2023
Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	5,52	5,43	6,09



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Không có.

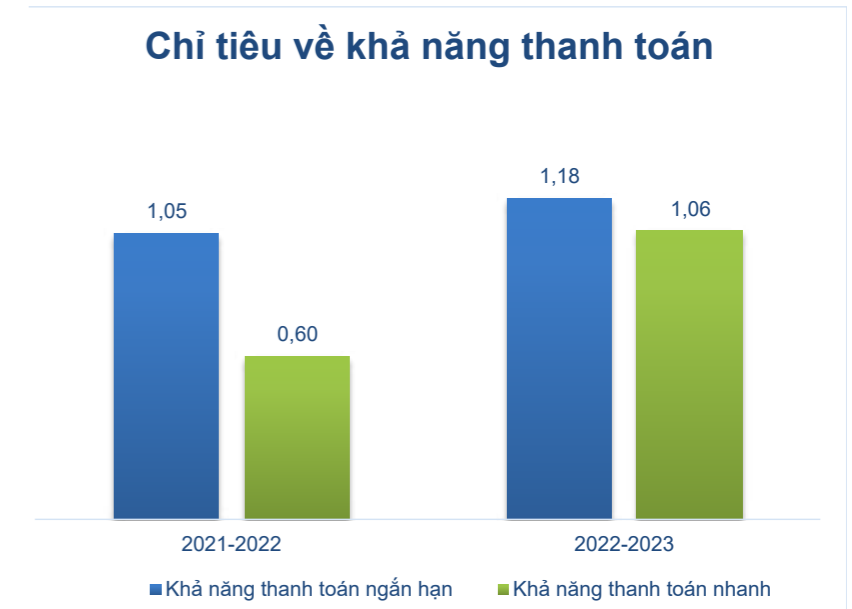
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	ĐVT	2021 - 2022	2022 - 2023
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,05	1,18
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,60	1,06
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	57,73	57,66
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	136,60	136,19
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,15	8,57
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,42	1,24
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,54	6,97
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	4,81	20,46
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	1,91	8,65
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động SXKD/Doanh thu thuần	%	6,28	7,51

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

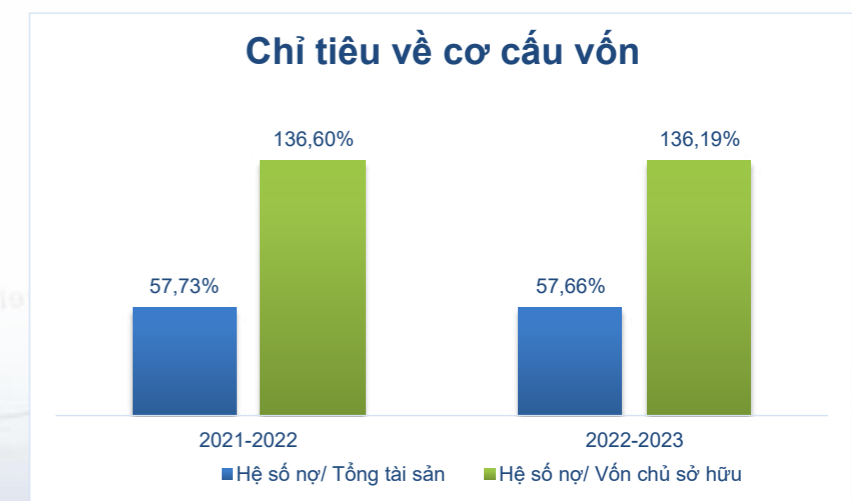
Trong niên độ 2022 - 2023, các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty được cải thiện, với hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh lần lượt đạt 1,18 lần và 1,06 lần. Tính đến thời điểm 30/06/2023, sự gia tăng các khoản phải thu ngắn hạn do Công ty đẩy mạnh hoạt động bán hàng và nới lỏng chính sách thu tiền người mua là nguyên nhân dẫn đến tài sản ngắn hạn của Công ty tăng 46,52% đạt 283 tỷ đồng so với thời điểm 30/06/2022.



Ngoài ra, khoản nợ vay ngắn hạn tính đến thời điểm 30/06/2023 đạt 238 tỷ đồng tăng 30,48% so với cùng kỳ do trong năm công ty sử dụng khoản vay ngắn hạn với lãi suất ưu đãi để đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh. Nhìn chung, Ban điều hành luôn nỗ lực trong việc điều hành dòng tiền kinh doanh và hoàn toàn đáp ứng khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Tính an toàn trong nguồn vốn hoạt động luôn được Ban lãnh đạo Công ty chú trọng. Hệ số Nợ/Tổng tài sản và Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu tính đến thời điểm 30/06/2023 lần lượt là 57,66% và 136,19%, cải thiện hơn so với thời điểm 30/06/2022. Công ty đang kiểm soát cơ cấu nợ nhằm duy trì cấu trúc tài chính ổn định, hạn chế rủi ro tài chính.



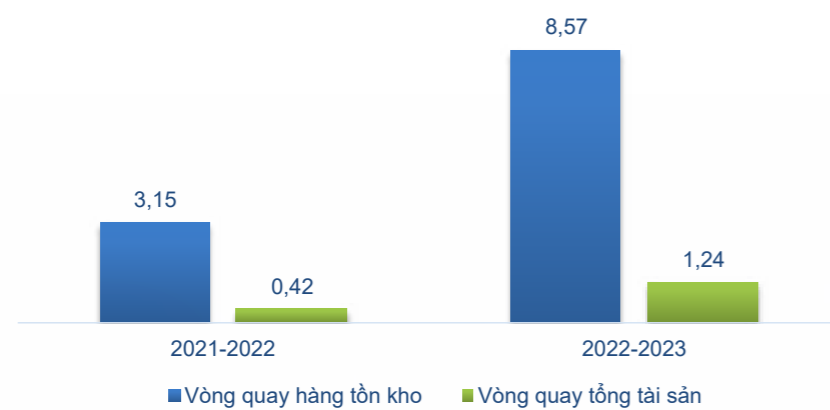
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Việc nguồn cung đường giảm mạnh do các chính sách bảo hộ lương thực ở các quốc gia xuất khẩu đường đã khiến tình hình tiêu thụ và thu tiền được cải thiện đáng kể. Công ty cũng đẩy mạnh công tác tiêu thụ đường và áp dụng các chính sách thu tiền linh hoạt để cân đối công nợ cũng như tạo điều kiện cho khách hàng. Điều này dẫn đến vòng quay tổng tài sản của Công ty tăng từ 0,42 lần niên độ 2021 - 2022 lên 1,24 lần trong niên độ 2022 - 2023.

Tương tự, số vòng quay hàng tồn kho cũng tăng lên đáng kể khi công ty tiêu thụ được lượng hàng tồn kho và hàng hóa sản xuất được tiêu thụ nhanh hơn trong niên độ vừa qua. Vòng quay hàng tồn kho bình quân của Công ty niên độ 2022 - 2023 đạt 8,57 vòng, tăng 5,42 vòng so với cùng kỳ do hàng tồn kho của Công ty tăng cao trong giai đoạn 2021- 2022.

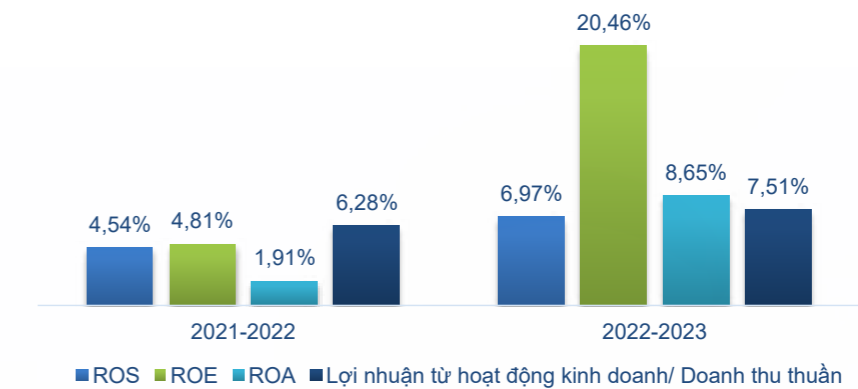
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

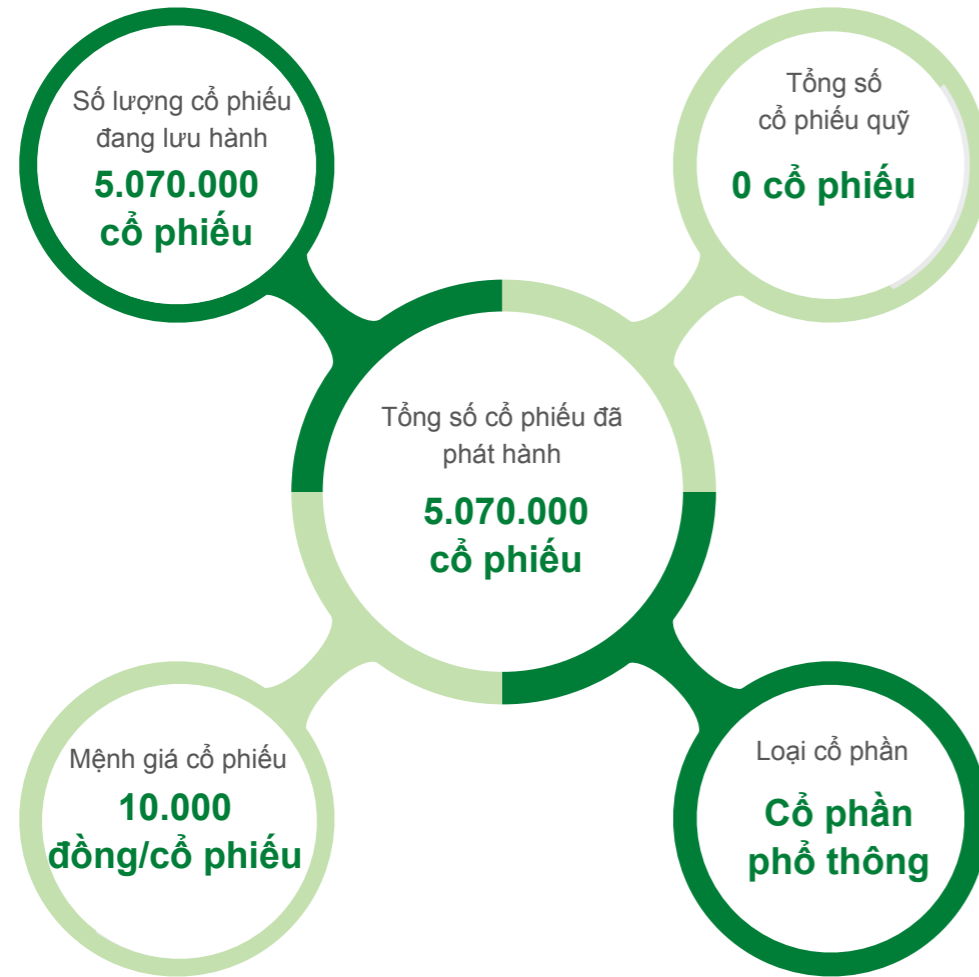
Tính đến thời điểm 30/06/2023, nguồn vốn chủ sở hữu tăng mạnh chủ yếu do nguồn lợi nhuận để lại tăng mạnh nhờ vào tình hình kinh doanh khả quan trong kỳ. Niên độ 2022 - 2023 là niên độ gặt hái nhiều thành công đối với Công ty, các tỷ số sinh lời đều tăng trưởng mạnh so với năm trước. Cụ thể, hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần tăng từ 4,54% lên 6,97%; Hệ số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần tăng từ 6,28% lên 7,51%; ROE và ROA tăng mạnh mẽ lần lượt từ 4,81% và 1,91% lên tương ứng 20,46% và 8,65%.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Cổ đông trong nước	227	5.066.750	99,94%
-	Cá nhân	224	4.292.660	84,67%
-	Tổ chức	3	774.090	15,27%
2	Cổ đông nước ngoài	5	3.250	0,06%
-	Cá nhân	4	2.750	0,05%
-	Tổ chức	1	500	0,01%
TỔNG CỘNG		232	5.070.000	100%

CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Công ty TNHH Kim Hà Việt	760.500	15%
2	Nguyễn Tất Đạt	358.800	7,08%

TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA:

Công ty đang thực hiện rà soát tỷ lệ SHNN tối đa theo quy định hiện hành.

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU:

Trong niên độ 2022 - 2023, Công ty không thực hiện thay đổi vốn điều lệ.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ:

Trong niên độ 2022 - 2023, Công ty không có giao dịch mua/bán cổ phiếu quỹ. Số lượng cổ phiếu quỹ Công ty hiện đang nắm giữ là 0 cổ phiếu.

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC: Không có.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Phát triển bền vững hướng đến sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hòa giữa ba mặt của sự phát triển: phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường. Trong hai thập kỷ qua, trên bình diện quốc tế, vấn đề phát triển bền vững ngày càng được đặc biệt quan tâm, trở thành yêu cầu phát triển của toàn cầu, phát triển bền vững là xu thế chung mà toàn nhân loại đang nỗ lực hướng tới. Đó cũng là mục tiêu chiến lược quan trọng, là chủ trương đường lối, chính sách, quan điểm mà Đảng, chính phủ và nhân dân Việt Nam quyết tâm thực hiện.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Quản lý các vấn đề tác động đến môi trường trong suốt chuỗi giá trị hoạt động kinh doanh không chỉ nhằm tuân thủ yêu cầu pháp luật, mà còn thể hiện triết lý của một đơn vị sản xuất hướng đến mục tiêu phát triển bền vững. Quản lý các yếu tố tác động đến môi trường giúp Công ty tạo được một môi trường làm việc trong sạch, giảm thiểu ô nhiễm, đảm bảo sức khỏe cũng điều kiện sinh hoạt của người lao động và các bên liên quan; đặc biệt là người lao động, những người chịu tác động và rủi ro trực tiếp từ môi trường làm việc.

Tuy quá trình sản xuất mía đường chỉ thải ra chất thải hữu cơ, không có hóa chất nhưng nếu không có công nghệ xử lý thì nguy cơ gây hại cho môi trường rất cao. Quá trình sản xuất đường mía thải ra lượng lớn chất thải dưới 3 dạng: Khí thải, nước thải và chất thải rắn.

Chất thải rắn: Quá trình sản xuất đường từ cây mía sẽ sinh ra một số phụ phẩm như bã mía, mật rỉ, bùn lọc... Trong đó, bã mía chiếm 26,8 – 32% lượng mía ép, với độ ẩm khoảng 50%; mật rỉ chiếm 3 – 5% trọng lượng mía đem ép với các thành phần là nước, đường saccara, đường khử, tro, protein... mật rỉ hiện được sử dụng cho sản xuất mì chính và sản xuất cồn, nấm men... Bên cạnh đó, phần cặn bã còn lại sau khi chế biến đường là bùn lọc, bùn có độ ẩm 75 – 77%, chiếm 3,82 – 5,07% lượng mía ép.

Khí thải: các chất gây ô nhiễm môi trường không khí của quá trình sản xuất đường không lớn. Khí thải sinh ra chủ yếu từ lò hơi dùng bã mía làm nhiên liệu, từ quá trình xử lý nước mía bằng CO₂ hoặc SO₂. Khí lò hơi được tách bụi bằng hệ thống cyclone tách bụi ẩm hoặc cyclone thủy lực có hiệu quả tách cao.

Nước thải: công nghệ sản xuất đường mía sử dụng khối lượng nước rất lớn cho các mục đích khác nhau. Định mức tiêu hao nước biến động từ 13 -15 m³/tấn mía ép. Trong đó nước rửa nhà sản, nước làm mát trực ép, vệ sinh thiết bị và nước giặt băng tải tách bùn có hàm lượng chất hữu cơ cao cần xử lý chiếm 6 – 10% tổng lượng nước thải.

CÁC SÁNG KIẾN VÀ BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

- Dây chuyền sản xuất sử dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến không phát sinh hoặc phát sinh rất ít phát thải.
- Hệ thống xử lý chất thải được bảo trì bảo dưỡng định kỳ nhằm đảm bảo hoạt động ổn định.
- Thực hiện quan trắc môi trường định kỳ để đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý chất thải tại các nhà máy.



QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Những năm qua, các cơ quan, địa phương liên quan và Công ty Cổ phần Đường Kon Tum đã có nhiều cố gắng, nỗ lực trong xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu, tổ chức sản xuất, hỗ trợ thu mua, đầu tư công nghệ chế biến mía đường.

Công ty Cổ phần Đường Kon Tum đã ký kết hợp đồng liên kết hơn 750 hộ dân và 2 hợp tác xã sản xuất mía trên địa bàn tỉnh Kon Tum với tổng diện tích hơn 1.100 ha. Đồng thời dự kiến triển khai nhiều giải pháp về hỗ trợ vốn, thu mua, vận chuyển, xử lý rủi ro khi thiên tai xảy ra... nhằm phát triển vùng nguyên liệu mía trong các niên độ tiếp theo.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Các hoạt động sản xuất kinh doanh luôn được Ban lãnh đạo quan tâm chỉ đạo tối ưu hóa, giúp tiết giảm chi phí và cũng đồng thời giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

Công ty luôn chú trọng trong việc xây dựng định mức sử dụng các nguồn năng lượng. Tất cả các văn phòng, nhà máy của Công ty đều áp dụng và báo cáo tình hình sử dụng năng lượng định kỳ. Bên cạnh đó, việc truyền thông nội bộ cũng được thực hiện thường xuyên nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của cán bộ công nhân viên. Hoạt động tiêu thụ năng lượng của các nhà máy đều tuân thủ theo đúng tiêu chuẩn và định mức năng lượng cần thiết để hệ thống vận hành hiệu quả.

Trong năm, nhiều sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả đã được toàn thể nhân viên Công ty nhiệt liệt tham gia, sáng tạo và mạnh dạn trao đổi ý kiến và đã nhận được sự quan tâm của Ban lãnh đạo như: thiết kế lại quy trình, chuyển đổi nâng cấp thiết bị, thay đổi hành vi và nhận thức người lao động, những thay đổi trong hoạt động sản xuất kinh doanh.



TIÊU THỤ NƯỚC

Chung tay cùng với Chính phủ, các tổ chức và cá nhân nhằm giảm thiểu tối đa những tác động tiêu cực đến môi trường nước. Công ty luôn tuân thủ đúng luật bảo vệ môi trường, hành động đi đôi với phương châm cùng cộng đồng bảo vệ môi trường sống, khuyến khích CBCNV sử dụng nước tiết kiệm. Xây dựng, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải bảo đảm nước thải luôn đạt yêu cầu quy chuẩn quốc gia trước khi thải ra môi trường.

Tổng lượng nước tiêu thụ: 5.251 m³

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty hiểu rõ sự quan trọng của việc bảo vệ môi trường, theo đó Công ty xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường giúp mỗi CBCNV trong công ty từ cấp cao nhất đến thấp nhất có ý thức về bảo vệ môi trường. Các hoạt động không có ảnh hưởng xấu đến môi trường, nhiên liệu tiêu thụ qua các năm thể hiện lượng phát thải không tăng hoặc tăng không đáng kể. Niên độ 2022 - 2023, Công ty không vi phạm các quy định và không bị xử phạt liên quan đến lĩnh vực môi trường.



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Bên cạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh bền vững, Công ty đã và đang tích cực triển khai nhiều chương trình hoạt động an sinh, xã hội. Thông qua các hoạt động an sinh xã hội, KTS mong muốn ngày càng lan tỏa tình yêu thương, nguồn năng lượng tươi mới góp phần vun đắp giá trị sống tốt đẹp hơn cho cộng đồng. Ngoài các chương trình ủng hộ quỹ an sinh xã hội theo định kỳ hàng năm, Công ty cũng tham gia công tác tài trợ, hỗ trợ khác, v.v...

Ngoài ra, Công ty đặt mục tiêu bảo vệ môi trường lên hàng đầu, luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về giữ gìn và bảo vệ môi trường. Qua đó, quy trình xử lý chất thải tại Công ty được thực hiện một cách nghiêm túc nhằm hạn chế tối đa các tác động đến môi trường.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

Không có

03



PHẦN 3: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

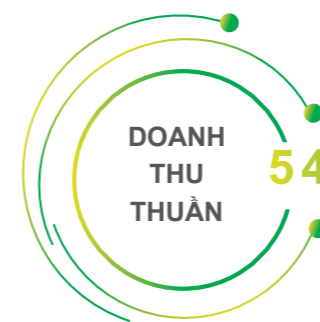
Bối cảnh kinh tế vĩ mô toàn cầu niên độ 2022 - 2023 có nhiều biến động. Cuộc chiến Nga – Ukraine tiếp tục căng thẳng, lạm phát toàn cầu tăng phi mã, chuỗi cung ứng bị gián đoạn, lãi suất điều hành các nước trên thế giới đều tăng để đối phó với lạm phát. Việt Nam cũng không nằm ngoài biến động chung của thế giới, các ngân hàng có thời điểm nâng lãi suất huy động lên tới 10%/năm, tỷ giá USD/VND biến động mạnh ảnh hưởng đến các mặt hàng nhập khẩu.

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm qua chịu tác động bởi giá nguyên vật liệu, nhiên liệu tăng cao, việc tăng tỷ giá và hạn chế nguồn cung cùng với lãi suất vay vốn ngân hàng tăng, làm tăng chi phí sản xuất của Công ty.

Trước bối cảnh trên, Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã áp dụng chính sách thu mua mía linh hoạt, kịp thời, quyết định thời điểm, giá cả tiêu thụ hàng hóa phù hợp, tiết giảm các khoản chi phí nhằm giảm giá thành sản phẩm. Mặt khác, niên độ 2022 - 2023, thị trường đường thế giới suy giảm về sản lượng khiến giá đường tăng, kết hợp với việc Bộ Công Thương ban hành quyết định áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với một số sản phẩm đường mía nhập khẩu từ Campuchia, Indonesia, Lào, Malaysia và Myanmar nên thị trường đường trong nước khởi sắc, dẫn đến chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế niên độ 2022 - 2023 của Công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 giao là 618,12%.

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	KH 2022 - 2023	TH 2022 - 2023	Tỷ lệ % TH/KH
1	Doanh thu thuần	405.670	547.678	135,01%
2	Lợi nhuận trước thuế	6.506	39.605	608,75%
3	Lợi nhuận sau thuế	5.319	38.197	718,12%



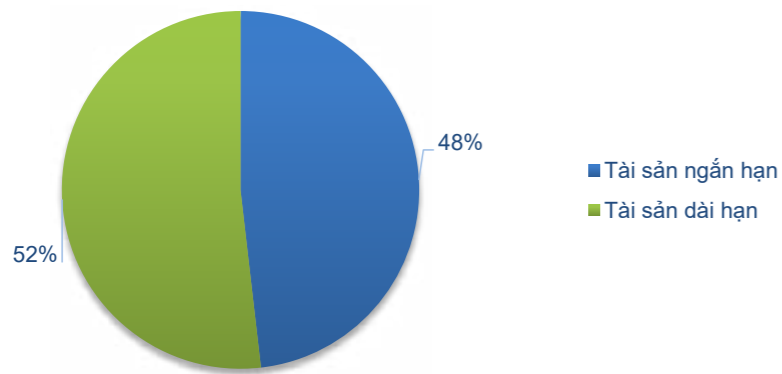
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

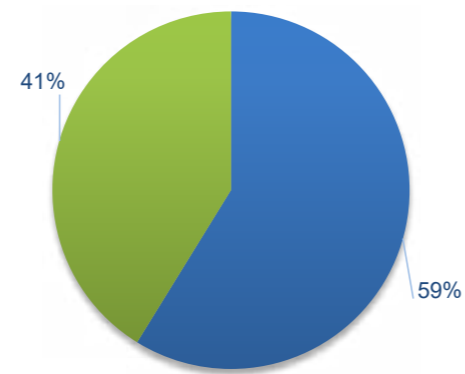
ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	30/06/2022		30/06/2023		% 2022 - 2023/ 2021 - 2022
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	193.257	48,17%	283.160	58,81%	46,52%
Tài sản dài hạn	207.928	51,83%	198.352	41,19%	-4,61%
Tổng tài sản	401.185	100,00%	481.512	100,00%	20,02%

30/06/2022



30/06/2023



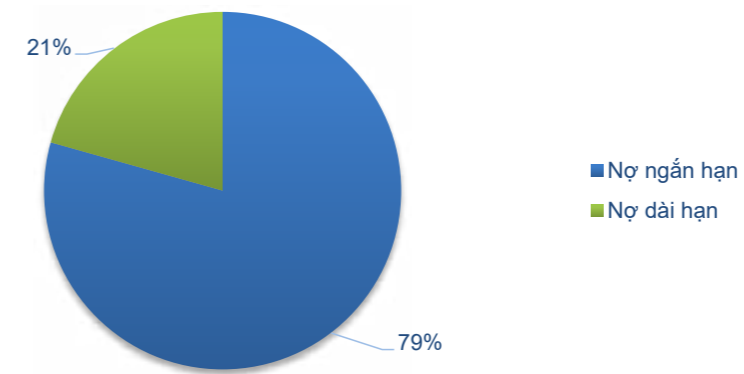
Tính đến cuối niên độ 2022 - 2023, tài sản ngắn hạn của Công ty đạt 283 tỷ đồng, tăng 46,52% so với cuối niên độ 2021 - 2022. Trong đó, các khoản phải thu ngắn hạn tăng 132,06%, đạt hơn 250 tỷ đồng nguyên nhân chủ yếu do niên độ 2022 - 2023 thị trường đường thế giới suy giảm về sản lượng khiến giá đường tăng, kết hợp với việc Bộ Công Thương ban hành quyết định áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với một số sản phẩm đường mía nhập khẩu từ Campuchia, Indonesia, Lào, Malaysia và Myanmar nên Công ty đã đẩy mạnh công tác bán hàng và áp dụng nới lỏng chính sách tín dụng đối với một số khách hàng lớn và hợp tác lâu năm của Công ty để tăng vị thế cạnh tranh. Tài sản dài hạn của Công ty đạt 198 tỷ đồng, giảm 4,61% so với cùng thời điểm niên độ 2021 - 2022 và chiếm 41,19% tổng tài sản. Tài sản dài hạn của Công ty chủ yếu tập trung tại khoản mục tài sản cố định.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

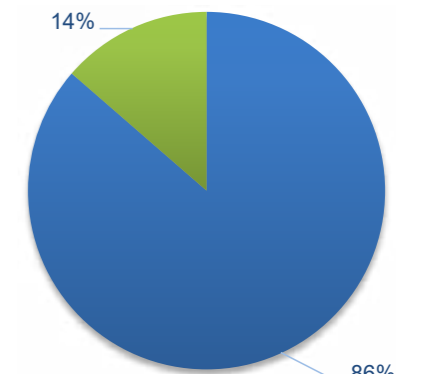
ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	30/06/2022		30/06/2023		% 2022 - 2023/ 2021 - 2022
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	183.791	79,35%	239.815	86,38%	30,48%
Nợ dài hạn	47.828	20,65%	37.828	13,62%	-20,91%
Tổng nợ phải trả	231.619	100,00%	277.643	100,00%	19,87%

30/06/2022



30/06/2023



Tại thời điểm cuối niên độ 2022 - 2023, nợ ngắn hạn của Công ty đạt 239 tỷ đồng, tăng 30,48% so với cùng kỳ. Sự biến động trong cơ cấu nợ ngắn hạn chủ yếu đến từ hai khoản mục phải trả người bán ngắn hạn và vay nợ ngắn hạn. Cụ thể, khoản phải trả người bán ngắn hạn của Công ty tính đến thời điểm 30/06/2023 hơn 19 tỷ đồng, tăng so với mức 2 tỷ đồng thời điểm 30/06/2022 đây là khoản nợ nhà cung cấp còn tồn đọng cuối niên độ 2022 - 2023. Ngoài ra, biến động của khoản nợ vay ngắn hạn do trong năm Công ty sử dụng khoản vay ngắn hạn với lãi suất ưu đãi để đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

CÔNG TÁC TỔ CHỨC, LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG

Niên độ 2022 - 2023, Công ty tiếp tục sắp xếp lại lao động, nhằm đảm bảo bộ máy tinh gọn và hiệu quả, đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong tình hình mới.

Công ty luôn chăm lo đến đời sống và thu nhập của người lao động, tiền lương được thanh toán đầy đủ, kịp thời; các chế độ chính sách của người lao động được thực hiện đúng theo quy định của luật lao động. Năm 2023, sau kết thúc vụ sản xuất, Công ty đã tổ chức cho người lao động đi tham quan du lịch trong và ngoài nước, tạo nên sự gắn kết giữa người lao động với Công ty và thể hiện sự quan tâm chăm lo của lãnh đạo Công ty đối với người lao động.

Công ty thường xuyên quan tâm đến công tác tuyên truyền, huấn luyện an toàn - vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ để nâng cao nhận thức cho người lao động.

Thực hiện tốt việc cải thiện điều kiện làm việc, môi trường lao động, tạo điều kiện cho người lao động được làm việc trong môi trường đảm bảo an toàn, vệ sinh sạch sẽ nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, hoạt động sản xuất hiệu quả, bền vững; phòng ngừa, ngăn chặn tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

CÔNG TÁC TIÊU THỤ SẢN PHẨM

Niên độ 2022 - 2023, công tác tiêu thụ sản phẩm khá thuận lợi. Ban điều hành thực hiện đúng chính sách bán hàng được Hội đồng quản trị phê duyệt, đến thời điểm 30/06/2023 Công ty đã bán hết hàng tồn kho.

CÔNG TÁC TÀI CHÍNH

Công tác tài chính của Công ty được quản lý chặt chẽ, tình hình tài chính minh bạch, lành mạnh, vốn được bảo toàn, đảm bảo lợi ích của cổ đông và người lao động. Mọi hoạt động đều được kiểm tra và giám sát bởi Ban Kiểm soát. Công tác thông tin, báo cáo kịp thời, quyết toán đúng theo quy định, đảm bảo cho việc điều hành và kinh doanh đạt hiệu quả.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

KẾ HOẠCH SXKD NIÊN ĐỘ 2023 - 2024

Năm 2023, thế giới đang trong thời kỳ nhiều biến động và thay đổi về kinh tế, chính trị. Lạm phát tăng lên mức cao dẫn đến xu hướng thắt chặt chính sách tiền tệ tại nhiều quốc gia. Kinh tế toàn cầu có xu hướng tăng trưởng chậm lại, một số quốc gia đã bắt đầu có dấu hiệu rơi vào suy thoái kinh tế. Trong nước, kinh tế xã hội phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhất là nền kinh tế Việt Nam có độ mở lớn nên chịu tác động đan xen nhiều mặt. Các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ tăng lạm phát là rất lớn, như biến động giá nguyên vật liệu đầu vào, đà phục hồi tiêu dùng trong nước, tạo áp lực lạm phát, chi phí sản xuất tăng cao, rủi ro về chuỗi cung ứng cùng với việc thực hiện điều chỉnh giá dịch vụ do nhà nước quản lý, thiên tai, dịch bệnh, bão lũ, biến đổi khí hậu... Trên cơ sở phân tích những triển vọng và thách thức nêu trên, Ban điều hành xây dựng các mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2023 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch niên độ 2023 - 2024
1	Tổng doanh thu thuần	Triệu đồng	517.750
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu đồng	28.500
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đồng	27.900



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI



MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Để thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch nêu trên, đồng thời định hướng phát triển cho Công ty trong những năm tiếp theo, Ban điều hành đề ra một số giải pháp trình Đại hội đồng cổ đông, cụ thể như sau:

VỀ CÔNG TÁC NGUYÊN LIỆU:

Công ty cần tập trung một số vấn đề cơ bản như sau:



Tiếp tục làm việc với chính quyền địa phương các cấp rà soát, tìm kiếm quỹ đất để phát triển mở rộng thêm nhiều diện tích vùng nguyên liệu trong tỉnh cho các năm tiếp theo.



Tăng cường công tác tuyên truyền vận động, tổ chức lồng ghép vào các buổi chào cờ đầu tuần tại các thôn, làng để phổ biến các chính sách đầu tư, thu mua của Công ty. Tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn mô hình canh tác mới bằng phương pháp cơ giới hóa đồng bộ nhằm phát triển, mở rộng diện tích mía ổn định và bền vững.



Tích cực vận động mở rộng diện tích trồng mía tại các huyện trọng điểm của vùng nguyên liệu Công ty như: thành phố Kon Tum, huyện Sa Thầy, huyện Kon Rẫy, huyện Kon Plong, huyện Ia H'Drai, huyện Đăk Tô, huyện Đăk Hà. Bên cạnh đó đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động tại các huyện mà lâu nay cây mía chưa có trên địa bàn như các huyện Ngọc Hồi, huyện Đăk Glei, huyện Tu Mơ Rông.



Tiếp tục khảo nghiệm, cơ cấu lại giống mía phù hợp với thổ nhưỡng, khí hậu của địa bàn tỉnh Kon Tum, tìm kiếm các giống mía mới cho năng suất và chữ đường cao; áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến vào canh tác cây mía để tăng năng suất mía bình quân từ 80 tấn/ha trở lên và chữ đường bình quân đạt ≥ 10 CCS, nhằm tăng thu nhập cho bà con nông dân trồng mía.

KHÓI SẢN XUẤT CHẾ BIẾN ĐƯỜNG



Rà soát, đánh giá lại dây chuyền sản xuất để đầu tư bổ sung thiết bị nhằm tăng công suất ép, tăng hiệu suất thu hồi.



Tiếp tục nghiên cứu áp dụng công nghệ mới vào sản xuất chế luyện, nâng cao hiệu quả sản xuất, chất lượng sản phẩm, giảm tỷ lệ tiêu hao mía/đường; tiếp tục rà soát tiết giảm các khoản chi phí, thực hành tiết kiệm trong mọi lĩnh vực nhằm hạ giá thành sản phẩm, đủ sức cạnh tranh với thị trường.



Kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguyên liệu đầu vào, kiểm soát các chỉ tiêu tránh rò rỉ, thất thoát trên dây chuyền để nâng cao hiệu suất thu hồi.

KHÓI PHÒNG BAN NGHIỆP VỤ, PHỤC VỤ:



Xây dựng kế hoạch kinh doanh, phân khúc thị trường tiêu thụ trong tỉnh, ngoài tỉnh, các khách hàng truyền thống để làm cơ sở lập kế hoạch tiêu thụ. Luôn tạo mối quan hệ mật thiết, bền vững với các khách hàng truyền thống của Công ty nhằm tiêu thụ hết sản phẩm, đảm bảo đem lại hiệu quả kinh tế cao cho Công ty. Lắng nghe ý kiến kiến nghị của khách hàng từ đó có những điều chỉnh cần thiết trong quản trị doanh nghiệp, chất lượng sản phẩm phục vụ tốt hơn cho khách hàng, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.



Tiếp tục kiện toàn lại bộ máy quản lý, điều hành, rà soát định biên, bố trí lại nguồn nhân lực ở các phòng ban chuyên môn và các tổ sản xuất theo hướng tinh gọn, đảm bảo đủ năng lực và phù hợp với cương vị công tác để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao theo yêu cầu mới.



Chấp hành nghiêm túc quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, quan tâm và đầu tư thích đáng cho công tác bảo vệ môi trường, hệ thống xử lý nước thải, vệ sinh công nghiệp để đáp ứng yêu cầu về môi trường theo quy định.





PHẦN 4: ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Sau hai năm chống chọi với đại dịch covid-19, năm 2022 - 2023 nền kinh tế thế giới và Việt Nam tiếp tục đối mặt với nhiều biến động khó lường, xung đột Nga - Ukraine khiến cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp một lần nữa bị gián đoạn, chuỗi cung ứng toàn cầu tiếp tục bị đứt gãy, chi phí nguyên vật liệu đầu vào và chi phí vận chuyển hàng hóa tăng cao, các ngân hàng trung ương thi hành chính sách thắt chặt tiền tệ, tăng lãi suất, giảm cung tiền khiến cho biến động tỷ giá ngày càng lớn.

Niên độ 2022 - 2023 sản lượng đường toàn cầu suy giảm, một số quốc gia sản xuất đường lớn như Thái Lan, Ấn Độ, Brazil,... đạt sản lượng thấp hơn dự kiến, biến đổi khí hậu, hạn hán đã tác động tiêu cực đến ngành sản xuất mía đường, vì vậy giá đường thế giới và trong nước tăng cao.

Trước tình hình đó HĐQT Công ty đã có chỉ đạo, định hướng kịp thời để Ban điều hành triển khai các giải pháp kinh doanh, thực hiện các biện pháp kiểm soát chi phí, hoàn thành các mục tiêu chiến lược mà ĐHCĐ giao phó, cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2022 - 2023	Thực hiện 2022 - 2023	Tỷ lệ % TH/KH
1	Tổng doanh thu thuần	Triệu đồng	405.670	547.678	135,01%
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu đồng	6.506	39.605	608,75%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đồng	6.506	38.197	587,10%



ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY



- Niên độ 2022 - 2023, Tổng Giám đốc và các thành viên khác của Ban điều hành đã chủ động nắm bắt tình hình, xác định đúng cơ hội và thách thức, hoàn thành tốt các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh.
- Trong quá trình điều hành hoạt động của Công ty, Tổng Giám đốc và người điều hành khác đã kịp thời tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết, Quyết định Hội đồng Quản trị theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, các Quy chế quản lý nội bộ và quy định của pháp luật.
- Ban điều hành nhận được sự ủng hộ tích cực của chính quyền địa phương các cấp, chú trọng trong công tác phát triển vùng nguyên liệu vì vậy diện tích mía đưa vào thu hoạch vụ 2022 - 2023 tăng lên đáng kể so với các vụ trước. Linh hoạt, kịp thời trong chính sách thu mua mía dẫn đến tổng sản lượng mía thu mua vụ này hoàn thành vượt mức kế hoạch 7,4%.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Hội đồng quản trị đánh giá niên độ 2022 - 2023 Tổng Giám đốc Công ty và người điều hành khác đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Trong điều kiện kinh tế thế giới còn nhiều bất ổn, hoạt động buôn lậu và gian lận thương mại mặt hàng đường (hàng sản xuất xuất khẩu, hàng tạm nhập tái xuất...) trong nước vẫn chưa được kiểm soát triệt để. Biến đổi khí hậu ảnh hưởng lớn đến năng suất, chất lượng nhiều vùng trồng mía nguyên liệu. Giá cả vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật) và các loại hóa chất công nghiệp tăng mạnh.
- Thời hạn áp dụng thuế chống bán phá giá (CBPG) và thuế chống trợ cấp (CTC) sản phẩm đường mía từ Thái Lan theo Quyết định số 1578/QĐ-BCT, ngày 15/6/2021 của Bộ Công thương sẽ hết hiệu lực vào ngày 16/6/2026, ngoài ra trong thời gian này Bộ Công thương sẽ tiếp tục rà soát để thay đổi mức thuế suất CBPG và CTC. Sau giai đoạn này các doanh nghiệp

mía đường Việt Nam phải đối mặt với sự cạnh tranh không lành mạnh của hàng nhập khẩu từ Thái Lan.

- Để ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, vượt qua khó khăn thách thức, đảm bảo quyền lợi cho cổ đông; đồng thời tạo việc làm, ổn định đời sống cho người lao động, Hội đồng Quản trị đề ra kế hoạch SXKD niên độ 2023-2024 và định hướng nhiệm kỳ 2023 - 2028, như sau:

Kế hoạch sản xuất kinh doanh niên độ 2023 - 2024

- Tổng doanh thu thuần: 517.750 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế TNDN: 28.500 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN: 27.900 triệu đồng.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỊNH HƯỚNG

1

Về vùng nguyên liệu

- Tiếp tục nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các chính sách đầu tư hỗ trợ và phục vụ người trồng mía một cách thiết thực, hiệu quả để phát triển vùng nguyên liệu mía; từng bước ổn định vùng nguyên liệu trọng điểm trên địa bàn tỉnh Kon Tum.
- Tiếp tục làm việc các cấp chính quyền địa phương của tỉnh Kon Tum để rà soát tìm kiếm quỹ đất, phát triển thêm diện tích mía trong niên độ 2023 - 2024 và những năm tiếp theo.
- Tập trung chỉ đạo sâu sát, có hiệu quả công tác đầu tư phát triển mía trong vùng, phấn đấu đến năm 2026 cơ bản vùng nguyên liệu đáp ứng được công suất của nhà máy.
- Tăng cường công tác khảo nghiệm, cơ cấu các loại giống mía mới có năng suất, trữ đường cao, thay thế các loại giống mía cũ hiện đang sản xuất để nâng cao thu nhập cho người trồng mía.

2

Về công tác sản xuất

- Tăng cường quản lý sản xuất từ khâu nguyên liệu đầu vào đến chất lượng đường thành phẩm. Xây dựng thương hiệu Đường RS của Công ty Cổ phần Đường Kon Tum có tiêu chuẩn chất lượng cao đủ sức cạnh tranh với các sản phẩm tương tự trong nước và nhập khẩu.
- Thường xuyên cập nhật, nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ thế giới vào công tác sản xuất để giảm giá thành sản phẩm.
- Đầu tư thêm thiết bị để ổn định công suất, nâng cao hiệu suất thu hồi và chất lượng sản phẩm.

3

Về tài chính

- Tiếp tục cơ cấu lại nguồn lực tài chính để nâng cao năng lực hoạt động của Công ty.
- Quản lý chặt chẽ chi phí, nâng cao năng lực quản trị tài chính, giám sát chặt chẽ công tác đầu tư và sử dụng vốn hiệu quả, đảm bảo phát triển liên tục, ổn định, bền vững.

4

Về nhân sự

- Tiếp tục kiện toàn lại bộ máy nhân sự theo hướng tinh gọn, năng động với đội ngũ cán bộ có trình độ quản lý và chuyên môn cao. Xây dựng cơ chế lãnh đạo, quản lý mới một cách có hệ thống, tiếp thu các tri thức kinh doanh mới để nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp.
- Xây dựng chính sách sử dụng và đãi ngộ đối với người lao động nhằm phát huy năng lực và khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân phục vụ cho mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.

PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

05

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HĐQT

Tính tại ngày 30/06/2023

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Đặng Việt Anh	Chủ tịch HĐQT	0	0
2	Trần Ngọc Hiếu	Thành viên HĐQT không điều hành	74.529	1,47%
3	Thái Văn Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	0	0



DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐẶNG VIỆT ANH

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày sinh	14/09/1978
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
Quá trình công tác	
Thời gian	Chức vụ và Đơn vị Công tác
2006 - 2007	Công tác tại CTCP Chứng khoán Ngân hàng phát triển Nhà Đồng Bằng Sông Cửu Long
2007 - 2008	Công tác tại CTCP Chứng khoán Việt Quốc
2009 - 2010	Công tác tại Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước – Chi nhánh khu vực phía Nam
2006 - 2010	Thành viên HĐQT CTCP Mía đường Đắk Nông
2010 - 2011	Thành viên HĐQT CTCP XNK Lâm Thủy sản Bến Tre
2013 - 2015	Thành viên HĐQT CTCP Đường Kon Tum
07/2015 - nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Đường Kon Tum
10/2015 - nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Mía đường Sơn La
03/2023 - nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Dược phẩm Tipharco
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT CTCP Dược phẩm Tipharco Chủ tịch HĐQT CTCP Mía đường Sơn La
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan	
Bà Trần Thị Thái (Mẹ):	152.100 cổ phiếu, chiếm 3% vốn điều lệ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TRẦN NGỌC HIẾU
Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh 12/10/1956

Trình độ chuyên môn 10/10

Quá trình công tác

Thời gian	Chức vụ và Đơn vị Công tác
1976 - 1981	Thực hiện nghĩa vụ quân sự, tham gia mặt trận chiến trường Campuchia
1982 - 1997	Kinh doanh Lương thực thực phẩm
2015 - nay	Thành viên HĐQT CTCP Đường Kon Tum
2015 - nay	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Mía đường Sơn La
10/2019 - nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Mía đường Cần Thơ
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Mía đường Sơn La Chủ tịch HĐQT CTCP Mía đường Cần Thơ
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan	
Tạ Ngọc Hương (Vợ)	251.000 cổ phần, chiếm 4,95% vốn điều lệ.
Trần Ngọc Lan (Con)	250.000 cổ phần, chiếm 4,93% vốn điều lệ.
Trần Ngọc Tuấn (Con)	246.532 cổ phần, chiếm 4,86% vốn điều lệ.
Bà Trần Thị Thái (Chị)	152.100 cổ phiếu, chiếm 3% vốn điều lệ.



THÁI VĂN HÙNG
Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

XEM THÔNG TIN TẠI CHƯƠNG 2 – MỤC 2 – TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



Danh sách thay đổi thành viên HĐQT trong năm: Không có.



CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban trực thuộc. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một cán bộ làm Thư ký Hội đồng quản trị; Khi cần thiết Hội đồng quản trị sử dụng cán bộ quản lý của Công ty để giúp việc cho Hội đồng quản trị.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm

- Trong quá trình hoạt động Hội đồng quản trị luôn giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đều được xây dựng trên nguyên tắc tập thể, đảm bảo tính khách quan và tập trung trí tuệ của các thành viên Hội đồng quản trị, phù hợp với chức năng, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.
- Các thành viên chủ chốt của Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát được mời tham dự tại các phiên họp của Hội đồng quản trị hoặc nhận được đầy đủ tài liệu đối với các trường hợp lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.
- Định kỳ hoặc bất thường Hội đồng quản trị tiến hành kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; đặc biệt giai đoạn trước khi vào vụ sản xuất Hội đồng quản trị đã tham gia họp trực tuyến, định kỳ 2 tuần/lần với Ban Tổng Giám đốc và Trưởng các đơn vị trực thuộc để chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, giải quyết những khó khăn vướng mắc của Ban Tổng Giám đốc, nhằm phát huy tối đa hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Sự quan tâm sâu sát của Hội đồng quản trị đã giúp cho hoạt động của Công ty ổn định, vượt qua khó khăn, thách thức và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu cơ bản của niên độ 2022 - 2023.
- Các thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được phân công, tham gia đầy đủ các hoạt động của Hội đồng quản trị, đóng góp tích cực vào việc hoàn thành kế hoạch chung của Công ty.



Các cuộc họp Hội đồng quản trị

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 và tình hình thực tế của Công ty, niên độ 2022 - 2023, Hội đồng quản trị đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ, họp chuyên đề và họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất. Ngoài ra, Hội đồng quản trị còn tổ chức lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản, Hội đồng quản trị đã ban hành 27 Nghị quyết, 07 Quyết định để triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 đề ra.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự
1	Đặng Việt Anh	Chủ tịch HĐQT	04/04	100%
2	Trần Ngọc Hiếu	Thành viên HĐQT không điều hành	04/04	100%
8	Thái Văn Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	04/04	100%



Nội dung và kết quả của các cuộc họp

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
Giai đoạn từ ngày 01/07/2022 - 31/12/2022			
1	39/NQ-HĐQT/2022	22/07/2022	Nghị quyết thông qua họp HĐQT định kỳ quý 4 niên độ 2021-2022.
2	40/NQ-HĐQT/2022	02/08/2022	Nghị quyết thông qua nội dung ĐHCĐTN 2022.
3	44/NQ-HĐQT/2022	17/08/2022	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng vụ 2021-2022.
4	45/NQ-HĐQT/2022	17/08/2022	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng vụ 2021-2022.
5	48/NQ-HĐQT/2022	26/08/2022	Nghị quyết thông qua nội dung, chương trình, tài liệu ĐHCĐTN 2022.
6	49B/NQ- HĐQT/2022	06/09/2022	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng vụ 2021-2022.
7	54/NQ-HĐQT/2022	22/07/2022	Nghị quyết thông qua họp HĐQT định kỳ quý 1 niên độ 2022-2023.
8	56/NQ-HĐQT/2022	26/10/2022	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng vụ 2021-2022.
9	62/NQ-HĐQT/2022	20/11/2022	Nghị quyết thông qua kế hoạch mua sắm TSCĐ.
10	67/NQ-HĐQT/2022	28/12/2022	Nghị quyết thông qua chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ 2022-2023.
Giai đoạn từ ngày 01/01/2023 - 30/06/2023			
11	09/NQ-HĐQT/2023	08/01/2023	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng vụ 2022-2023.
12	12/NQ-HĐQT/2023	16/02/2023	Nghị quyết thông qua họp HĐQT định kỳ quý 2 niên độ 2022-2023.
13	14/NQ-HĐQT/2023	17/02/2023	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nội dung và kết quả của các cuộc họp

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
14	16/NQ-HĐQT/2023	12/03/2023	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng.
15	21/NQ-HĐQT/2023	05/04/2023	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng.
16	22/NQ-HĐQT/2023	05/04/2023	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng.
17	26/NQ-HĐQT/2023	12/04/2023	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng.
18	26B/NQ-HĐQT/2023	18/04/2023	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng.
19	27A/NQ-HĐQT/2023	20/04/2023	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng.
20	27B/NQ-HĐQT/2023	20/04/2023	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng.
21	30/NQ-HĐQT/2023	24/04/2023	Nghị quyết thông qua họp HĐQT định kỳ quý 3 niên độ 2022-2023.
22	30A/NQ-HĐQT/2023	24/04/2023	Nghị quyết thông qua phương án kinh doanh thương mại.
23	33/NQ-HĐQT/2023	26/04/2023	Nghị quyết thông qua phương án kinh doanh thương mại.
24	37A/NQ-HĐQT/2023	04/05/2023	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng.
25	38/NQ-HĐQT/2023	05/05/2023	Nghị quyết thông qua chính sách đầu tư và hỗ trợ phát triển vùng nguyên liệu niên vụ 2023-2024.
26	40/NQ-HĐQT/2023	11/05/2023	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng.
27	42/NQ-HĐQT/2023	25/05/2023	Nghị quyết thông qua kế hoạch bán hàng.

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
Giai đoạn từ ngày 01/07/2022 - 31/12/2022			
1	39B/QĐ- HĐQT/2022	30/07/2022	Quyết định phê duyệt kế hoạch tu bổ sửa chữa lớn năm 2022.
2	50/QĐ-HĐQT/2022	25/09/2022	Quyết định ban hành sửa đổi điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đường Kon Tum.
3	51/QĐ-HĐQT/2022	25/09/2022	Quyết định ban hành sửa đổi quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Đường Kon Tum.
4	60/QĐ-HĐQT/2022	11/11/2022	Quyết định thông qua kế hoạch vay vốn năm 2023.
5	02/QĐ-HĐQT/2023	08/01/2023	Quyết định của HĐQT ban hành sửa đổi quy chế tổ chức bộ máy điều hành Công ty.
Giai đoạn từ ngày 01/01/2023 - 30/06/2023			
6	29/QĐ-HĐQT/2023	23/04/2023	Quyết định thông qua quyết toán tu bổ sửa chữa lớn 2022.
7	36/QĐ-HĐQT/2023	28/04/2023	Quyết định của HĐQT thông qua bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty.



HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Không có.



HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Không có.



DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các thành viên trong Ban lãnh đạo thường xuyên tham gia các chương trình về Quản trị Công ty nhằm phát huy năng lực hoạt động, sự đóng góp đối với quá trình hoạt động của Công ty. Ý thức được vai trò quyết định của đội ngũ lãnh đạo, công tác đào tạo các chứng chỉ, chương trình về quản trị luôn được Công ty chú trọng.

BAN KIỂM SOÁT



THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

Tính tại ngày 30/06/2023

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu (CP)	Tỷ lệ sở hữu
1	Trần Thị Nhi	Trưởng BKS	0	0
2	Nguyễn Thị Thủy	Thành viên BKS	0	0
3	Nguyễn Đức Cần	Thành viên BKS	100	0,00%



Danh sách thành viên Ban Kiểm soát



TRẦN THỊ NHI
Trưởng Ban Kiểm soát

Ngày sinh	25/10/1964
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán
Quá trình công tác	
Thời gian	Chức vụ và Đơn vị Công tác
12/1984 - 06/1989	Phụ trách kế toán Trường dạy nghề nội thương Bình Trị Thiên
1989 - 03/2010	Phó phòng Kế toán, Kế toán trưởng và Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Thương mại Quảng Trị
04/2010 - 09/2013	Phó Giám đốc CTCP Thương mại - dịch vụ Quảng Trị
10/2013	Công tác tại Công ty TNHH Kim Hà Việt; Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Mía đường Sơn La
04/2014 - 10/2015	Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Mía đường Sơn La
10/2015 - 05/2016	Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Mía đường Sơn La
07/2015 - nay	Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Đường Kon Tum
05/2016 - nay	Thành viên HĐQT CTCP Mía đường Sơn La
03/2022 – nay	Thành viên BKS CTCP Dược phẩm Tipharco
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Thành viên HĐQT CTCP Mía đường Sơn La Thành viên BKS CTCP Dược phẩm Tipharco
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan	Không có

BAN KIỂM SOÁT



Danh sách thành viên Ban Kiểm soát



NGUYỄN THỊ THỦY
Thành viên Ban Kiểm soát

Ngày sinh	13/03/1960
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính - Kế toán
Quá trình công tác	
Thời gian	Chức vụ và Đơn vị Công tác
1985 - 1987	Công tác tại Cục Thuế Bình Dương
1987 - 2014	Công tác tại CTCP Đường Bình Dương
2014 - nay	Công tác tại Công ty TNHH Kim Hà Việt
07/2015 - nay	Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Đường Kon Tum
05/2016 - nay	Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Mía đường Sơn La
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Mía đường Sơn La
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan	Không có



NGUYỄN ĐỨC CÀN
Thành viên Ban Kiểm soát

Ngày sinh	20/01/1971
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
Thời gian	Chức vụ và Đơn vị Công tác
1990 - 1992	Sinh viên ngành Điện, tại Trường Cơ điện Quy Nhơn
1996 - 1997	Học nghề Kiểm tra chất lượng Thực phẩm Trường Trung học Nông nghiệp Công nghiệp Thực phẩm Đà Nẵng
1997 - 12/2005	Tổ trưởng Tổ KCS tại Công ty Mía Đường Kon Tum
2002 - 2006	Học Đại học Quản trị Kinh doanh Trường Đại học Đà Nẵng
01/2006 - 08/2013	Nhân viên Phòng Kế hoạch Kinh Doanh - Tổng hợp CTCP Đường Kon Tum
09/2013 - nay	Phó phòng, Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính tại CTCP Đường Kon Tum
04/2016 - nay	Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Đường Kon Tum
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Không có
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	100 cổ phiếu, chiếm 0,00% vốn điều lệ
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan	Không có



Danh sách thay đổi thành viên BKS trong năm: Không có.

**HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NIÊN ĐỘ 2022 - 2023**

Niên độ 2022 - 2023, BKS đã thực hiện các công việc chủ yếu như sau:

- Giám sát công tác quản lý của Hội đồng quản trị; công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc và hoạt động SXKD của Công ty.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong công tác quản lý, điều hành hoạt động SXKD của HĐQT và Ban TGD.
- Theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
- Giám sát tình hình tài chính, cân đối vốn và quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình sử dụng, quản lý và bảo toàn vốn.
- Kiểm tra việc ghi chép sổ sách kế toán, thẩm định báo cáo tài chính quý, bán niên và năm. Xem xét báo cáo của kiểm toán độc lập trong và sau quá trình kiểm toán.
- Trực tiếp kiểm kê tồn kho vật tư hàng hóa, thành phẩm, kiểm kê quỹ tiền mặt tại các đợt BKS làm việc tại Công ty, tham gia đối chiếu xác nhận công nợ vùng nguyên liệu đối với các trường hợp nợ tồn đọng.
- Rà soát, kiểm tra, đánh giá các quy trình, chính sách trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện sai sót hoặc rủi ro tiềm ẩn, cảnh báo sớm và kiến nghị HĐQT, Ban TGD các giải pháp khắc phục.
- Kiểm tra, soát xét việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
- Kiểm soát việc thực hiện các quy định về công bố thông tin của Công ty đối với UBCK nhà nước, Sở GDCK Hà Nội, Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng tải trên website của Công ty.
- Soát xét các báo cáo, tài liệu của Công ty phục vụ điều tra điều tra CBPG và CTC đối với sản phẩm đường mía nhập khẩu từ Thái Lan, điều tra chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với một số sản phẩm đường mía nhập khẩu từ 5 nước Asean, tham gia làm việc với Cục Phòng vệ - Bộ Công Thương về việc thẩm tra các báo cáo, tài liệu này.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT mở rộng và một số buổi họp giao ban của Ban điều hành. Báo cáo đánh giá và đóng góp ý kiến cho HĐQT, Ban TGD trong quá trình quản trị, điều hành và tổ chức hoạt động của Công ty.
- Tham gia xây dựng Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của BKS phù hợp với quy định của pháp luật và hoạt động SXKD của Công ty để trình ĐHCĐ thông qua.
- Thực hiện các công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ của BKS.

Trong nhiệm kỳ vừa qua BKS không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu kiểm tra hoạt động SXKD của Công ty, công tác quản lý của HĐQT hoặc công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA DOANH NGHIỆP

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, quản lý và giám sát toàn bộ hoạt động SXKD của Công ty, triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của ĐHCĐ, thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, quản lý, giám sát hoạt động SXKD của Công ty và công tác điều hành của Ban TGD. Các thành viên HĐQT theo nhiệm vụ được phân công luôn bám sát tình hình thực tế, thường xuyên tham dự các buổi giao ban của Ban điều hành (BDH) để kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, đề ra các chủ trương, giải pháp phù hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban TGD trong công tác điều hành.

Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất theo hình thức mở rộng để các thành viên BDH, BKS cùng tham gia, đồng thời thông qua nhiều quyết định quan trọng bằng hình thức xin ý kiến bằng văn bản, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT tập trung triển khai Nghị quyết của ĐHCĐ, ban hành các chủ trương, giải pháp, chỉ đạo hoạt động SXKD của Công ty. Định hướng chiến lược phát triển công ty dài hạn và ngắn hạn, chỉ đạo công tác mua nguyên vật liệu, bán sản phẩm hàng hóa của Công ty, hoàn thiện và đổi mới các chính sách đầu tư, hỗ trợ để mở rộng vùng nguyên liệu, chỉ đạo công tác đầu tư, sửa chữa lớn hàng năm, công tác huy động vốn...

- Công ty đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật trong hoạt động SXKD, công tác quản lý và công bố thông tin cũng như trong các giao dịch.
- Ban TGD và người điều hành khác của doanh nghiệp đã điều hành hoạt động của Công ty theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
- Ban TGD đã bám sát Nghị quyết của ĐHCĐ, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, chủ động, linh hoạt trong công tác thu mua mía ngoài vùng vì vậy mặc dù sản lượng mía trong vùng ít nhưng tổng sản lượng mía thu mua hàng năm cơ bản đáp ứng công suất hoạt động của nhà máy, góp phần đáng kể trong việc giảm giá thành sản phẩm, tăng hiệu quả SXKD.

Ban Kiểm soát đánh giá trong nhiệm kỳ vừa qua, công tác quản lý, chỉ đạo của HĐQT, công tác điều hành của Ban TGD và người điều hành khác phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Nghị quyết của ĐHCĐ. Hội đồng quản trị, Ban TGD và người điều hành khác của doanh nghiệp đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao, đặc biệt niên độ 2022-2023 đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch SXKD.

BAN KIỂM SOÁT



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT



Số lượng các cuộc họp Ban Kiểm soát

Niên độ 2022-2023, Ban Kiểm soát đã tổ chức 03 phiên họp định kỳ để triển khai chương trình công tác và đánh giá kết quả kiểm tra giám sát, tổ chức 03 cuộc kiểm tra trực tiếp hoạt động của Công ty để thực hiện các công việc nêu trên. Ngoài ra, Ban Kiểm soát cũng thường xuyên trao đổi nội bộ để cập nhật thông tin và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động.

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự
1	Trần Thị Nhi	Trưởng BKS	03/03	100%
2	Nguyễn Thị Thủy	Thành viên BKS	03/03	100%
3	Nguyễn Đức Cần	Thành viên BKS	03/03	100%



Nội dung và kết quả của các cuộc họp

STT	Số Biên bản	Ngày	Nội dung
1	01/BKS	04/10/2022	Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động SXKD của Công ty năm 2022 – 2023 (Kỳ 1)
2	02/BKS	19/03/2023	Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động SXKD của Công ty năm 2022 – 2023 (Kỳ 2)
3	03/BKS	03/08/2023	Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động SXKD của Công ty năm 2022 – 2023 (Kỳ 3)



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT



LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng lương	Tổng thù lao	Thưởng
I Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc					
1	Đặng Việt Anh	Chủ tịch HĐQT	-	180.000.000	-
2	Trần Ngọc Hiếu	Thành viên HĐQT	-	96.000.000	-
3	Thái Văn Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	134.356.000	96.000.000	-
II Thu nhập của Ban Kiểm soát					
1	Trần Thị Nhi	Trưởng BKS	-	96.000.000	-
2	Nguyễn Thị Thủy	Thành viên BKS	-	48.000.000	-
3	Nguyễn Đức Cần	Thành viên BKS	133.464.583	48.000.000	-
III Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc					
1	Đặng Thị Thu Hằng	Tổng Giám đốc	372.412.000	-	-
2	Nguyễn Hữu Quảng	Phó Tổng Giám đốc	164.062.739	-	-



GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ: Không có



HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: tất cả các giao dịch này được ghi nhận và báo cáo trong báo cáo tài chính hàng Quý, Bán niên và Năm để minh bạch và công khai cho cổ đông Công ty được rõ

Giao dịch giữa người nội bộ Công ty, người có liên quan của người nội bộ với Công ty con, Công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có.



ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Trong quá trình hoạt động, quản trị công ty luôn là vấn đề được Công ty quan tâm, đặt lên hàng đầu để đảm bảo sự phát triển bền vững. Việc thực hiện quản trị tốt giúp đảm bảo hoạt động của Công ty được hiệu quả và có tính minh bạch, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.



PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính được kiểm toán

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đường Kon Tum tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2023-026-1



Nguyễn Thị Bích Thảo
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
4341-2019-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 08 năm 2023

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

Số: 787/2023/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đường Kon Tum (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 08 năm 2023 từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/07/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		283.159.881.612	193.257.047.508
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		4.204.069.409	2.053.184.841
1. Tiền	111	4.1	4.204.069.409	2.053.184.841
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		250.273.989.919	107.847.010.029
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	218.641.462.400	84.526.847.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	28.298.166.479	20.972.627.463
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		3.140.000.000	3.140.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136		3.830.388.469	2.843.956.470
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.4	(3.636.027.429)	(3.636.420.904)
III. Hàng tồn kho	140	4.5	28.597.933.202	83.286.201.784
1. Hàng tồn kho	141		30.455.041.262	83.602.232.166
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.857.108.060)	(316.030.382)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		83.889.082	70.650.854
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		83.889.082	70.650.854
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		198.352.032.371	207.928.346.897
I. Tài sản cố định	220		195.629.195.062	205.789.743.813
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	194.371.070.396	204.524.433.228
Nguyên giá	222		385.182.455.280	377.978.149.508
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(190.811.384.884)	(173.453.716.280)
2. Tài sản cố định vô hình	227		1.258.124.666	1.265.310.385
Nguyên giá	228		1.958.794.286	1.958.794.286
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(700.669.620)	(693.483.901)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		83.882.539	61.849.570
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		83.882.539	61.849.570
III. Tài sản dài hạn khác	260		2.638.954.770	2.076.753.514
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.638.954.770	2.076.753.514
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		481.511.913.983	401.185.394.205

(Xem tiếp trang sau)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/07/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		277.642.704.223	231.619.223.186
I. Nợ ngắn hạn	310		239.814.704.223	183.791.223.186
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.7	19.564.380.685	2.216.289.949
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.987.984.920	678.350.500
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.8	13.492.728.806	6.117.395.513
4. Phải trả người lao động	314		961.757.829	829.432.637
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.622.625.985	1.496.331.262
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		334.545.455	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		515.203.312	458.050.381
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.9	189.886.100.696	169.446.463.671
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.10	8.919.000.000	2.025.357.500
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		530.376.535	523.551.773
II. Nợ dài hạn	330		37.828.000.000	47.828.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.9	37.828.000.000	47.828.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		203.869.209.760	169.566.171.019
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.11.1	203.869.121.578	169.566.082.837
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	4.11.2	50.700.000.000	50.700.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.700.000.000	50.700.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.609.812.512	2.609.812.512
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	4.11.5	18.674.216.181	18.674.216.181
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	4.11.5	4.361.155.047	7.935.631.808
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		127.523.937.838	89.646.422.336
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		89.327.224.449	81.636.444.878
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		38.196.713.389	8.009.977.458
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		88.182	88.182
1. Nguồn kinh phí	431		88.182	88.182
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		481.511.913.983	401.185.394.205



Phê duyệt

Người lập

Đặng Thị Thu Hằng
Tổng Giám đốcVõ Thị Ái Thùy
Kế toán trưởng

Theo Giấy ủy quyền số 54A/GUQ-2022 ngày 24/10/2022

Kon Tum, ngày 30 tháng 08 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	547.677.775.904	176.395.520.303
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		547.677.775.904	176.395.520.303
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	479.659.077.099	148.400.884.210
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		68.018.698.805	27.994.636.093
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	5.026.464.936	9.483.127.587
6. Chi phí tài chính	22	5.4	22.625.184.585	19.562.167.322
Trong đó, chi phí lãi vay	23		22.621.833.485	19.558.275.722
7. Chi phí bán hàng	25		2.043.981.448	681.965.842
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	7.239.368.417	6.163.579.105
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		41.136.629.291	11.070.051.411
10. Thu nhập khác	31		142.723.003	821.220.742
11. Chi phí khác	32		1.674.297.336	1.353.788.863
12. Lợi nhuận khác	40		(1.531.574.333)	(532.568.121)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		39.605.054.958	10.537.483.290
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	1.408.341.569	2.527.505.832
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		38.196.713.389	8.009.977.458
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.11.4	7.534	1.481
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.11.4	7.534	1.481



Đặng Thị Thu Hằng
Tổng Giám đốc

Theo Giấy ủy quyền số 54A/GUQ-2022 ngày 24/10/2022

Kon Tum, ngày 30 tháng 08 năm 2023

Người lập

Thùy

Võ Thị Ái Thùy
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		428.877.923.967	252.575.637.400
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ khác	02		(378.430.530.609)	(187.389.849.339)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(20.151.489.046)	(15.048.846.037)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(21.981.442.346)	(23.365.622.122)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	4.8	(2.527.505.832)	(1.605.734.470)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	08		13.635.396.613	11.115.254.080
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(27.770.687.372)	(24.777.692.409)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(8.348.334.625)	11.503.147.083
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.655.549.622)	(1.515.144.856)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.715.131.790	11.936.932.772
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		59.582.168	10.421.787.916
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	283.807.867.181	185.829.559.826
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(273.368.230.156)	(208.473.862.779)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		10.439.637.025	(22.644.302.953)
LƯU CHUYỂN THUẬN TRONG NĂM				
(50=20+30+40)	50		2.150.884.568	(719.367.954)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		2.053.184.841	2.772.552.795
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	4.1	4.204.069.409	2.053.184.841



Đặng Thị Thu Hằng
Tổng Giám đốc

Theo Giấy ủy quyền số 54A/GUQ-2022 ngày 24/10/2022

Kon Tum, ngày 30 tháng 08 năm 2023

Người lập

Thùy

Võ Thị Ái Thùy
Kế toán trưởng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đường Kon Tum (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo:

- Quyết định số 1459/QĐ-BNN-ĐMĐN ngày 12 tháng 05 năm 2008 của Bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 3803000111 ngày 27 tháng 10 năm 2006 (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hiện tại có mã số 6100228104) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 18 tháng 11 năm 2015.

Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 987/QĐ-SGDHN ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Công văn số 456/CV-KTS ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 50.700.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 30/06/2023		Tại ngày 01/07/2022	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH Kim Hà Việt	Việt Nam	7.605.000.000	15	7.605.000.000	15
Ông Nguyễn Tất Đạt	Việt Nam	3.588.000.000	7	3.588.000.000	7
Các cổ đông khác	Đa quốc gia	39.507.000.000	78	39.507.000.000	78
Cộng		50.700.000.000	100	50.700.000.000	100

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 206 (01/07/2022: 188).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất đường, chế biến và kinh doanh các sản phẩm có liên quan.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất đường;
- Trồng cây mía;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Mua bán phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**1.4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính**

Đặc thù kinh doanh của Công ty là theo mùa vụ, vụ mía thông thường bắt đầu từ tháng 11 năm trước đến tháng 06 năm sau. Trong năm nay, sản lượng đường tiêu thụ tăng mạnh do nhu cầu thị trường tăng. Vì vậy, doanh thu và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay của Công ty tăng mạnh so với năm trước (tương đương lần lượt khoảng 210% và 377%).

1.5. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 01 tháng 07 năm trước đến ngày 30 tháng 06 năm nay.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**3.1. Ngoại tệ**

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua ngoại tệ/ tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng tại ngày báo cáo.

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.5. Hàng tồn kho (tiếp theo)

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

• Nhà cửa, vật kiến trúc	08 – 50 năm
• Máy móc thiết bị	07 – 15 năm
• Phương tiện vận tải truyền dẫn	07 – 10 năm
• Thiết bị, dụng cụ quản lý	08 – 10 năm

3.7. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.8. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.9. Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng phải trả được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng phải trả không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng phải trả được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

3.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.11. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.13. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm các khoản chi phí đi vay vốn và lỗ chênh lệch tỷ giá.

3.14. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.15. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành như sau:

- Thu nhập từ hoạt động chế biến nông sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn: miễn thuế;
- Thu nhập từ hoạt động khác: 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.15. Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch;
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Theo Nghị định 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015, Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 và Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/08/2015, Công ty được miễn thuế cho thu nhập từ hoạt động chế biến nông sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Cụ thể, thu nhập từ hoạt động sản xuất đường của Công ty tại địa bàn tỉnh Kon Tum được miễn thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.15. Thuế (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Phân bón: 0%;
- Đường và phụ phẩm từ đường, thuốc bảo vệ thực vật: 5%;
- Dịch vụ khác: 10%.

Theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành Nghị quyết số 43/2022/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa, dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2022 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2022. Cụ thể, các dịch vụ khác của Công ty được áp dụng thuế suất thuế GTGT 8%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.18. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.19. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1. Tiền**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/07/2022 VND
Tiền mặt	364.557.462	319.911.520
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.839.511.947	1.733.273.321
Cộng	4.204.069.409	2.053.184.841

4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/07/2022 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm Mục 8	119.676.390.000	8.154.887.000
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty TNHH Thái Hằng Hà Tiên	43.250.000.000	7.881.460.000
Công ty TNHH Thương mại Thiên Thiên Phúc	34.600.000.000	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Phú An Sài Gòn	15.800.000.000	67.290.500.000
Các khách hàng khác	5.315.072.400	1.200.000.000
Cộng	218.641.462.400	84.526.847.000

4.3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/07/2022 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	2.515.244.695	3.455.756.695
Ứng vốn cho nông dân đầu tư trồng mía vùng nguyên liệu	23.185.244.530	14.767.562.663
Trả trước cho người bán khác:		
Công ty TNHH Một Thành Viên Phú An Sài Gòn	2.327.491.270	1.057.620.605
Các nhà cung cấp khác	270.185.984	1.691.687.500
Cộng	28.298.166.479	20.972.627.463

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.4. Nợ xấu**

	Tại ngày 30/06/2023		Tại ngày 01/07/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, ứng trước và cho vay quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi	3.653.613.990	17.586.561	3.636.420.904	-
Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, ứng trước và cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:				
	Tại ngày 30/06/2023		Tại ngày 01/07/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc VND	Thời gian quá hạn
Công ty Cổ phần Nhựa Trường Thịnh	2.000.000.000	-	2.000.000.000	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Kien Giang	500.000.000	-	500.000.000	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Kiên Giang	450.000.000	-	450.000.000	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Bắc Trung Bộ	190.000.000	-	190.000.000	Trên 3 năm
Khác	513.613.990	17.586.561	496.420.904	Trên 3 năm
Cộng	3.653.613.990	17.586.561	3.636.420.904	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.5. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Tại ngày 01/07/2022 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.559.423.761	(1.857.108.060)	2.767.317.885	(316.030.382)
Công cụ, dụng cụ	9.795.268.149	-	9.708.056.916	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.091.631.621	-	329.382.641	-
Thành phẩm	5.475.784.152	-	70.039.089.611	-
Hàng hóa	1.532.933.579	-	758.384.913	-
Cộng	30.455.041.262	(1.857.108.060)	83.602.232.166	(316.030.382)

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/07/2022	110.296.767.263	264.593.046.396	2.545.235.634	543.100.215	377.978.149.508
Mua sắm, nâng cấp	-	6.511.434.210	816.363.636	-	7.327.797.846
Phân loại lại	-	(123.492.074)	-	-	(123.492.074)
Tại ngày 30/06/2023	110.296.767.263	270.980.988.532	3.361.599.270	543.100.215	385.182.455.280
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/07/2022	50.559.485.145	120.251.051.620	2.147.937.636	495.241.879	173.453.716.280
Khấu hao trong năm	3.270.053.693	13.968.505.335	180.430.483	3.043.655	17.422.033.166
Phân loại lại	-	(64.364.562)	-	-	(64.364.562)
Tại ngày 30/06/2023	53.829.538.838	134.155.192.393	2.328.368.119	498.285.534	190.811.384.884
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/07/2022	59.737.282.118	144.341.994.776	397.297.998	47.858.336	204.524.433.228
Tại ngày 30/06/2023	56.467.228.425	136.825.796.139	1.033.231.151	44.814.681	194.371.070.396

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình là 136.565.588.815 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm Mục 4.9.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 87.136.035.467 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.7. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2023		Tại ngày 01/07/2022	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán là các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	9.996.750.000	9.996.750.000	-	-
Phải trả người bán khác:				
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Nông nghiệp Tiên Nông	8.531.880.000	8.531.880.000	-	-
Công ty Cổ phần Tổng công ty Sông Gianh	-	-	699.080.000	699.080.000
Các nhà cung cấp khác	1.035.750.685	1.035.750.685	1.517.209.949	1.517.209.949
Cộng	19.564.380.685	19.564.380.685	2.216.289.949	2.216.289.949

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 30/06/2023		Trong năm		Tại ngày 01/07/2022	
	VND		VND		VND	
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/Khấu trừ	Phải nộp	Điều chỉnh tăng/(giảm) theo biên bản kiểm tra thuế	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	11.995.243.626	26.657.629.659	17.912.562.906	-	3.250.176.873	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.408.341.569	1.408.341.569	2.527.505.832	(175.201.633)	2.702.707.465	-
Thuế thu nhập cá nhân	68.016.354	142.415.274	200.028.931	(5.825.746)	131.455.757	-
Thuế tài nguyên	21.127.257	137.024.640	149.178.067	225.266	33.055.418	-
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	195.398.252	195.398.252	-	-	-
Các loại thuế khác	-	288.415.565	288.415.565	-	-	-
Cộng	13.492.728.806	28.828.224.959	21.273.089.553	(180.802.113)	6.117.395.513	

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.9. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/07/2022 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hạn:						
Vay ngân hàng	179.886.100.696	179.886.100.696	283.807.867.181	263.368.230.156	159.446.463.671	159.446.463.671
Vay dài hạn đến hạn trả	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	189.886.100.696	189.886.100.696	293.807.867.181	273.368.230.156	169.446.463.671	169.446.463.671
Dài hạn:						
Vay ngân hàng	47.828.000.000	47.828.000.000	-	10.000.000.000	57.828.000.000	57.828.000.000
Trừ nợ vay dài hạn đến hạn trả	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Cộng	37.828.000.000	37.828.000.000	(10.000.000.000)	-	47.828.000.000	47.828.000.000
Tổng cộng	227.714.100.696	227.714.100.696	283.807.867.181	273.368.230.156	217.274.463.671	217.274.463.671

Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn là các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam bằng VND với tổng hạn mức VND với tổng hạn mức 180 tỷ VND, có thời hạn 1 năm, chịu lãi suất từ 7,5%/năm đến 10,5%/năm và dùng để bổ sung vốn lưu động của Công ty. Các khoản vay này được thể chấp bằng:

- Nhà cửa, vật kiến trúc; máy móc, thiết bị với giá trị còn lại là 136.565.588.615 VND – Xem thêm Mục 4.6;
- Quyền sử dụng đất tại Km2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum;
- Hàng tồn kho và các khoản phải thu hình thành từ vốn vay.

Khoản vay ngân hàng dài hạn là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam bằng VND với tổng hạn mức 80 tỷ VND, có thời hạn 5 năm, chịu lãi suất từ 10,5%/năm đến 12%/năm và dùng để đầu tư nâng công suất nhà máy đường của Công ty. Khoản vay này được thể chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của bên vay là dự án đầu tư nâng công suất nhà máy đường.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.10. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/07/2022 VND
Dự phòng sửa chữa tài sản cố định	6.540.000.000	-
Dự phòng quỹ tiền lương	2.379.000.000	2.025.357.500
Cộng	8.919.000.000	2.025.357.500

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.11. Vốn chủ sở hữu

4.11.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/07/2021	50.700.000.000	2.609.812.512	18.674.216.181	9.036.762.274	82.136.444.878	163.157.235.845
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	8.009.977.458	8.009.977.458
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm tài chính 2020-2021	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Sử dụng quỹ	-	-	-	(1.101.130.466)	-	(1.101.130.466)
Tại ngày 01/07/2022	50.700.000.000	2.609.812.512	18.674.216.181	7.935.631.808	89.646.422.336	169.566.082.837
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	38.196.713.389	38.196.713.389
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm tài chính 2021-2022	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Tặng khác	-	-	-	-	180.802.113	180.802.113
Sử dụng quỹ	-	-	-	(3.574.476.761)	-	(3.574.476.761)
Tại ngày 30/06/2023	50.700.000.000	2.609.812.512	18.674.216.181	4.361.155.047	127.523.937.838	203.869.121.578

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.11.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/07/2022 VND
Vốn góp của Công ty TNHH Kim Hà Việt	7.605.000.000	7.605.000.000
Vốn góp của Ông Nguyễn Tất Đạt	3.588.000.000	3.588.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	39.507.000.000	39.507.000.000
Cộng	50.700.000.000	50.700.000.000

4.11.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/07/2022
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	5.070.000	5.070.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	5.070.000	5.070.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	5.070.000	5.070.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.11.4. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	38.196.713.389	8.009.977.458
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(500.000.000)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	38.196.713.389	7.509.977.458
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	5.070.000	5.070.000
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	7.534	1.481

(*) Tại ngày báo cáo tài chính, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2023 do Đại hội đồng cổ đông Công ty chưa quyết định tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2023. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, chỉ tiêu "Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu" có thể giảm, dẫn đến việc lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu giảm tương ứng.

4.11.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND
Tại ngày 01/07/2022	18.674.216.181	7.935.631.806
Sử dụng trong năm	-	(3.574.476.761)
Tại ngày 30/06/2023	18.674.216.181	4.361.155.047

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

ĐVT	Tại ngày	
	30/06/2023	01/07/2022
Hàng hoá nhận ký gửi, giữ hộ:		
Đường thành phẩm	Tán 288,80	4.010,90
Mật rỉ	Tán 1.914,15	623,78
	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/07/2022 VND
Nợ khó đòi đã xử lý:		
Các nông dân trồng mía – Xóa nợ do các công nợ này không còn khả năng thu hồi	12.459.952.254	12.459.952.254

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán đường	499.918.524.767	153.096.893.812
Doanh thu bán mật rỉ	28.606.985.148	10.320.914.285
Doanh thu bán phân bón, thuốc trừ sâu	15.943.947.792	10.802.869.619
Doanh thu khác	3.208.318.197	2.174.842.587
Cộng (*)	547.677.775.904	176.395.520.303

(*) Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 8

	Năm nay VND	Năm trước VND
	388.804.541.077	127.211.530.682

Mục 1.4 của Bản thuyết minh này trình bày nguyên nhân tăng doanh thu năm nay so với năm trước.

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn đường	440.637.827.382	130.977.110.976
Giá vốn mật rỉ	24.463.317.947	9.852.660.458
Giá vốn phân bón, thuốc trừ sâu	14.466.476.357	7.562.822.965
Giá vốn khác	91.455.413	8.289.811
Cộng	479.659.077.099	148.400.884.210

Giá vốn hàng bán năm nay tăng tương ứng với biến động doanh thu năm nay.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.3. Doanh thu tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi trả chậm	4.056.921.834	8.904.863.562
Lãi đầu tư vùng nguyên liệu	950.205.399	568.917.276
Lãi tiền gửi ngân hàng	19.337.703	9.346.749
Cộng (*)	5.026.464.936	9.483.127.587
(*) Trong đó, lãi trả chậm từ các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	463.885.890	2.263.480.797

5.4. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	21.996.013.648	19.421.574.352
Chi phí lãi trả chậm, ứng trước tiền hàng	625.819.837	136.701.370
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.351.100	3.891.600
Cộng (*)	22.625.184.585	19.562.167.322
(*) Trong đó, chi phí lãi trả chậm, ứng trước tiền hàng cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 8	625.819.837	136.701.370

5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.813.489.733	4.210.434.715
Chi phí vật liệu quản lý	489.431	113.569
Chi phí đồ dùng văn phòng	130.438.491	121.417.925
Chi phí khấu hao tài sản cố định	512.811.207	463.785.858
Thuế, phí và lệ phí	32.221.962	35.947.920
Dự phòng/(Hoàn nhập) nợ phải thu khó đòi	(393.475)	2.460.653
Chi phí dịch vụ mua ngoài	196.470.282	101.996.431
Chi phí bằng tiền khác	1.553.840.786	1.227.422.034
Cộng	7.239.368.417	6.163.579.105

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	376.371.592.608	185.193.457.425
Chi phí nhân công	18.148.938.892	14.694.277.518
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.350.945.601	17.105.308.281
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	(393.475)	2.460.653
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.461.864.375	5.835.343.037
Chi phí bằng tiền khác	2.808.422.284	1.824.053.824
Cộng	435.141.370.285	224.654.900.738

5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	39.605.054.958	10.537.483.290
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	8.213.090.407	9.415.865.362
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	47.818.145.365	19.953.348.652
Thu nhập từ sản xuất đường được miễn thuế	40.776.437.522	7.315.819.493
Thu nhập chịu thuế khác	7.041.707.844	12.637.529.159
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	1.408.341.569	2.527.505.832
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.408.341.569	2.527.505.832

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí khi tính thuế như:

- Các khoản chi không có hóa đơn, chứng từ hợp lệ;
- Các khoản trích trước chưa có hóa đơn, chứng từ;
- Thủ lao của thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	283.807.867.181	185.829.559.826

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(273.368.230.156)	(208.473.862.779)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**7. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty không có báo cáo bộ phận vì theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động về những khác biệt về sản phẩm mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Cụ thể như sau:

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty chủ yếu là từ sản xuất, kinh doanh các sản phẩm đường nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh cần phải thuyết minh.
- Bộ phận theo khu vực địa lý: Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty chủ yếu tại tỉnh Kon Tum. Do vậy, không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan**

1. Công ty TNHH Kim Hà Việt
2. Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt
3. Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa
4. Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La
5. Công ty Cổ phần Mía đường Trà Vinh
6. Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ cốc
7. Công ty TNHH MTV Nam Phương Hà Tiên
8. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt Bà Tạ Ngọc Hương – vợ ông Trần Ngọc Hiếu (thành viên HĐQT Công ty) là Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt Công ty có cùng nhân sự quản lý chủ chốt Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/07/2022 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng:		
Công ty TNHH MTV Nam Phương Hà Tiên	45.201.250.000	-
Công ty TNHH Kim Hà Việt	25.892.640.000	2.054.887.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt	25.500.000.000	6.100.000.000
Công ty Cổ phần Mía đường Trà Vinh	23.082.500.000	-
Cộng – Xem thêm Mục 4.2	119.676.390.000	8.154.887.000

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/07/2022 VND
Trả trước người bán ngắn hạn – Xem thêm Mục 4.3:		
Công ty TNHH Kim Hà Việt	2.515.244.695	3.455.756.695

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/07/2022 VND
Phải thu ngắn hạn khác:		
Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa	3.090.235.926	310.097.672
Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt	-	82.442.740
Công ty TNHH Kim Hà Việt	-	12.973.972
Cộng	3.090.235.926	405.514.384
	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/07/2022 VND
Phải trả người bán ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La	9.950.000.000	-
Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa	46.750.000	-
Cộng – Xem thêm Mục 4.7	9.996.750.000	-
	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/07/2022 VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa	1.416.000.000	-
Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ cốc	191.238.095.238	68.571.428.572
Công ty TNHH Kim Hà Việt	87.635.751.190	41.973.435.443
Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt	43.677.251.429	16.666.666.667
Công ty TNHH MTV Nam Phương Hà Tiên	43.048.809.886	-
Công ty Cổ phần Mía đường Trà Vinh	21.983.333.334	-
Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa	1.221.300.000	-
Cộng – Xem thêm Mục 5.1	388.804.541.077	127.211.530.682

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Địa chỉ: Km 2, thôn Kon Rờ Bàng, xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

	Năm nay VND	Năm trước VND	
Mua hàng, nhận cung cấp dịch vụ:			
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La	98.904.761.905	4.857.142.857	
Công ty TNHH Kim Hà Việt	1.687.083.636	2.926.115.650	
Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa	42.500.000	-	
Cộng	100.634.345.541	7.783.258.507	
	Năm nay VND	Năm trước VND	
Thu nhập từ thu lãi trả chậm:			
Công ty Cổ phần Đầu tư Vương Quốc Việt	443.795.890	1.425.764.658	
Công ty TNHH Kim Hà Việt	20.090.000	203.935.663	
Công ty Cổ phần Mía đường Tuy Hòa	-	68.520.547	
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ cốc	-	565.259.929	
Cộng – Xem thêm Mục 5.3	463.885.890	2.263.480.797	
	Năm nay VND	Năm trước VND	
Chi phí lãi trả chậm, ứng trước tiền hàng:			
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ngũ cốc	476.188.274	-	
Công ty Cổ phần Mía đường Sơn La	149.631.563	136.701.370	
Cộng – Xem thêm Mục 5.4	625.819.837	136.701.370	
Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.			
Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:			
Tên	Chức vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Đặng Việt Anh	Chủ tịch HĐQT	180.000.000	180.000.000
Ông Trần Ngọc Hiếu	Thành viên HĐQT	96.000.000	96.000.000
Ông Thái Văn Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	230.356.000	196.489.636
Bà Đặng Thị Thu Hằng	Tổng Giám đốc	372.412.000	371.711.997
Ông Nguyễn Hữu Quảng	Phó Tổng Giám đốc	164.062.739	161.683.654
Cộng		1.042.830.739	1.005.885.287

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

9. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

Tên	Chức vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Bà Trần Thị Nhi	Trưởng ban	96.000.000	96.000.000
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Đức Căn	Thành viên	181.464.583	173.335.403
Cộng		325.464.583	317.335.403

10. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

	Năm trước VND (Được báo cáo lại)	Năm trước VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.481	1.580
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.481	1.580

Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu năm trước được báo cáo lại do Công ty thực hiện điều chỉnh số tạm trích trong báo cáo trước đây theo số được phê duyệt trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 25 tháng 09 năm 2023.

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (Trích):

	Năm trước VND (Được báo cáo lại)	Năm trước VND (Đã được báo cáo trước đây)
Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố:		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	185.193.457.425	176.811.133.001
Chi phí nhân công	14.694.277.518	15.966.633.016
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.105.308.281	17.175.464.531
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.460.653	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.835.343.037	2.033.345.809
Chi phí bằng tiền khác	1.824.053.824	1.843.697.774
Cộng	224.654.900.738	213.830.274.131

Việc điều chỉnh thuyết minh các khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố là để phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính hiện hành. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng việc trình bày lại sẽ cung cấp thông tin hữu ích cho người sử dụng báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 30/06/2023 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.



Đặng Thị Thu Hằng
Tổng Giám đốc
Theo Giấy ủy quyền số 54A/GUQ-2022 ngày 24/10/2022

Kon Tum, ngày 30 tháng 08 năm 2023

Người lập

Võ Thị Ái Thủy
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Kon Tum, ngày 26 tháng 09 năm 2023

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT.



ĐẶNG VIỆT ANH

